

Lời tác giả

Đây là những bài báo. Bởi thế cách hành văn cũng như nội dung đều có tính cách "nhật trình". Lối văn gần như câu thả.

Câu chuyện có vẻ nhất thời. Nhưng tôi cứ để nguyên cho xuất bản. Nghĩ rằng: hồi ấy tôi đã để ngòi bút chạy theo giòng ý tưởng, đầu khéo đầu vụng, cách thuật chuyện cũng được cái đặc điểm là ghi tâm trạng bài lúc viết.

Hình ảnh những nhân vật trong chuyện - những người đã cùng tôi sống chung - ngày nay đã mờ trong ký ức.

Kể lại một quãng đời phải chăng là sống lại ngày qua? Có lẽ thế. Nhưng tôi muốn xa hơn: Vẽ một bức trang phong tục và tập quán.

Thật là quá cao vọng.

Tự thấy còn thấp kém, nhưng tôi vẫn cố gắng. Đây là những bài đầu, tôi ước mong sẽ có thể viết thêm.

Nếu chưa hiến được độc giả những bài đúng theo nguyên tắc tôi đã tự vạch, thì xin hẹn lại ở những bài sau.

Phi Vân

Thay lời tựa

Chỗ hứng thú của quyển phóng sự ấy là nó cho ta thấy những phong tục cũ kỹ ở thôn quê, những tin tưởng dị đoan của hạng bình dân lao động. Nó cho ta thấy những cuộc giao tiếp, xung đột giữa bọn điền chủ và tá điền, những tâm hồn mộc mạc trong bọn này và những vai quyền thế lực của bọn kia. Đọc qua, chúng ta thấy mình len lỏi chốn đồng quê, đang mục kích những cuộc tụ họp chơi bời, những cảnh cần lao rộn rịp. Thỉnh thoảng như đưa lại giọng hò trầm bổng trong đám gặt, như phát lại mùi thơm thanh đạm của lúa vàng.

Tác giả lại còn dắt ta đi quanh co trong những sông rạch ở vùng Bạc Liêu, Cà Mau và sao mấy ngày dạo chơi mệt mỏi, tác giả dừng lại cho ta thấy một cảnh sắc êm đềm: Trên bờ sông Trẹm, lững lờ mấy làn khói trắng bốc lên và dưới hàng dừa xanh tươi, một thiếu phụ ấm con đứng đợi chồng về, lâu lâu đuổi bầy gà đang bới trên giồng rau cải. Hoặc giữa đêm trường vắng vẻ, chiếc thuyền xuôi mái theo rạch Bần, tác giả mời ta trông lên bờ sau hàng dừa nước âm u, một vài ánh đèn le lói, nghe từ xa đưa lại tiếng chày giã gạo, tiếng chó của đêm...

Cho được kể lại rất tài tình những điều quan sát rất kỹ càng, làm cho ta như nghe, như thấy, lúc cảm, lúc vui, tất phải chờ một ngọn bút tỉ mỉ mà linh hoạt, một giọng văng thành thật mà hữu duyên, một cách viết tự nhiên, không rườm rà mà đầy đủ.

Ông Phi Vân đã gồm cả mấy điều kiện ấy: Quyển phóng sự của ông như một tấn tuồng gay cấn đặt trong cảnh trí xanh tươi: Hay là - muốn nói cho rõ hơn - nó là một "nông kịch" chiara nhiều lớp: có hồi hộp, có vui cười và sau rốt kết cuộc rất thương tâm, khiến cho độc giả phải ngậm ngùi cảm động.

Có lẽ đó là bài luận lý sâu sắc mà tác giả không muốn chỉ cho rõ ràng, để ta tự hiểu ngầm mà thương hại cho hạng nông dân lao碌. Họ sống một cuộc đời mộc mạc, siêng năng; nhưng mãi kiếp phải làm nạn nhân cho bọn giàu sang thế碌. Mà cả thấy chúng ta, theo như tác giả nói lại là "nạn nhân của một thời kỳ"; cho nên đối với mọi người ta nên để lòng thương hại và thứ dung, và nên cầu nguyện cho chốn đồng quê được hút vui tươi yên ổn...

(Trích lục một đoạn bài diễn văn của giáo sư Nguyễn Văn Kiết chủ tịch ủy ban văn chương của hội Khuyến Học Cần Thơ đọc trong dịp lễ phát giải thưởng văn chương Thủ Khoa Nghĩa năm 1963)

Ý Kiến các văn Hữu

Đồng Quê của Phi Vân là loại sách nửa phóng sự, nửa ký sự về phong tục, sinh hoạt ở đồng quê miền Hậu Giang.

Chuyện lý thú, văn gãy gọn, tác giả tỏ cho ta thấy đã đem tâm hồn mình sáp nhập với dân chúng với đất nước.

(Ánh sáng Văn Chương)

Đọc Đồng Quê, bạn sẽ thấy bao nhiêu hủ tục buồn cười và cuộc xung đột của chủ điền và tác điền đã diễn ra ở đồng quê Nam Bộ mà bạn Phi Vân đã vẽ lại bằng ngòi bút rất giản dị và linh hoạt.

(Nhật báo Việt Thanh)

Tôi tin chắc Đồng Quê của ông Phi Vân sẽ là một kho tàng vô giá để khảo cứu tiếng địa phương Nam Việt, để góp từ ngữ dùng trong việc học.

(Trọng Toàn - Hương Hoa Đất nước)

Những câu chuyện trong Đồng Quê ai cũng có thể biết được, nhưng tác giả khéo léo độc giả phải say mê. Khi đọc được một bài, phải đọc một bài nữa và sẽ đọc luôn cho đến hết mà không hề biết chán ở một chỗ nào.

(Văn Mai - Nhật báo Thời Cuộc)

Trong Đồng Quê, Tây, Tàu, Việt chen lẫn nhau; mới, cũ tranh giành nhau. Một xã hội thất học, một thời đại hư hèn, một chế độ nguy hại.

Các bạn sẽ cùng tác giả nhận xét như thế để rồi với cái đầu óc mới mẻ, với cái bản lĩnh vừa được trui rèn, các bạn sẽ đề nghị một giải pháp, bảo một cách ôn hoà: "phải sửa đổi"

(Thuần Phong - Nhật báo Tiếng Dội)

Muốn Ăn Trứng Nhạn

Không biết mỗi bữa trưa hè oi ả, trời nắng nung người, có ai nghe người đàn bà Bạc Liêu đưa võng kéo cà kẹo kẹt ru con:

*Tháng ba cơm gói ra hòn,
Muốn ăn trứng nhạn phải lòn hang Mai...*

Mà ngao ngán nổi gì không?

Riêng tôi, có một dạo, đang thất thểu trên đường từ Vĩnh Châu ra Biền, nghe được câu hát này, tôi thấy thích thích, đoán chừng rằng Hang Mai có lẽ là ở miền nào xa lắm. Tôi định có ngày đến viếng cho thoả lòng.

Bây giờ tôi đứng trước Hang Mai!

Cho hay nếu mình chịu bước chân đi thì còn lạ gì với những cái tên mà mình cứ tưởng tượng nó ở đâu trời cuối biển nào!

Hang Mai là gì?

Các bạn giàu tưởng tượng đừng cho rằng Hang Mai là một chỗ mà vào mùa đông lạnh, hoa mai vươn cánh khoe vàng!

Không, "Mai" đây chỉ có nghĩa là quê mùa cổ lỗ ở chốn đồng quê là... là... Khỉ!

Vậy, Hang Mai tức là hang của loài khỉ.

Kinh Hang Mai ở làng Khánh Lâm (Cà Mau) bắt đầu từ Kinh Biện Nhĩ, phía dưới công sở trở ra Tiều dứa.

Kêu là "kinh" cho nó oai một chút chớ nó quanh co như "cửu khúc trường xa!" Nó có không biết bao nhiêu ngách và không biết bao nhiêu trập cần đường.

Ở hai bên bờ, người ta có thể gặp những con trúc, rái, kỳ đà, chồn, ong mật và vô số cá.

Tôi được một lần đi suốt con kinh Hang Mai, và đi một cách "đàng hoàng" vinh diệu.

Ông Xã trong làng gả con gái.

Ông Xã mà gả con gái thì phải biết, cái đám ấy nó long trọng đến bực nào?

Muốn có "cái gì" thêm long trọng hơn nữa, lúc đưa con về nhà chồng, ông lại tìm ngay chúng tôi:

- Thằng Sáu mày có tài ăn nói, thằng Năm mày có ngón đàn hay, vậy bây vui lòng theo tao qua bên "đàng trai" cho "rôm" và để bên ấy biết rằng làng mình cũng có lắm "nhân tài"!

Tôi ngồi và vò ngón tóc:

- Từ đây qua rạch "Bà Già Sốc" xa quá cậu à! Vả lại tôi có tật ngủ sớm, hễ thức khuya một chút là muốn nằm liệt ra rồi!

- Không sao, xuống ghe tha hồ ngủ, hại gì mà!

- Úy, thần rừng quỷ bụi đất Khánh Lâm này ời, nè ở đây mà cậu bảo ngủ dưới ghe cho muỗi mồng nó tha đi!

- Cái thằng! Không mấy thuở cậu mượn mà lại làm bộ làm tịch!...

Thằng Năm xen vào:

- Đi mày, ra miệt biển chơi, xuống ghe tao đàn cho mày nghe, buồn ngủ thế nào được!

Rồi nó lấy tôi ra ngoài:

- Mày ngu lắm, tội tình gì mà để "chúng nó" đi riêng một mình!

- Chúng nào?

- Con Tư ông Chủ, con gái Bộ Liêm, con Tám, chứ còn chúng nào nữa! Tụi nó sẽ đi chung với mình một ghe, gục chung với mình một lượt, chẳng là "sung sướng" lắm à?

o o o

Đường về rạch Bà già Sốc dài trên ba chục cây số, phải đi suốt con kinh Hang Mai dọc ra mé biển.

Đàng trai lại rước dâu vào lúc mười giờ tối. Lễ xong, chúng tôi cùng nhau xuống ghe lườn. Đàng trai đi hai ghe, đàng gái theo hai ghe, một ghe ông già bà cả, một ghe thanh niên. Ai trông thấy cũng thì thào khen ngợi, không hổ danh ông Xã chút nào.

Tôi mắc lo theo đuổi lũ con gái, quên coi thằng Năm nó vác cây đờn kìm thế nào mà lâu lâu cái thùng đờn khua leng keng leng keng in như tiếng chuông của thằng Chệc bán bông cỏ.

Vào một đêm không trăng. Sao đầy trời. Bóng đêm bao phủ nhu bức màn mờ.

Gặp mùa gió bắc, ngồi trong mũi chệt nghe hơi sương xuống, cũng đủ lạnh lùng.

Thỉnh thoảng ngọn gió đồng hiu hắt lửa vào khoang gần tắt phụn ngọn đèn dầu.

Bên ngoài, các anh chèo vừa nhip mái ăn rập vừa "hò khoan" vang dậy.

Bên trong, ngồi đối diện với mấy cô áo máu xanh đỏ, thằng Năm cảm hứng lên dây Tổ lan đờn một bản Vọng cổ rất "mùi".

Tôi bị con ma buồn ngủ kéo hai mí mắt gần sụp, nhưng sợ gục lên gục xuống, "con Tám" nó cười, nên rần dềm vững cái cần cỏ. Tuy vậy chút chút cái đầu cũng gác qua

được một cái như để nhịp "song lang" giùm cho thằng Năm.

Các cô ngồi thủ thỉ, lâu lâu chăm chú dòm thằng Năm đang "hình mũi" cho mấy ngón tay nhún vuốt hai sợi dây đờn.

*Hố hò khoan
Con gái ông Bang
Che dù che lọng,
Con gái bà bóng
Thổi lửa tắt đèn...
Cà rùm tùm beng.*

*Hố hò khoan
Con đĩa đeo bà,
Con gà cục tác,
Mỏ nhát cầm chèo,
Con mèo cầm lái,
Con rái chạy buồm,
Con tôm tát nước...
Là cái hố hò khoan...*

- Ghe ai đó ngừng lại!

Bên ngoài, bỗng có tiếng hét vang lên.

Tiếng hò khoan dứt ngang.
Thằng Năm nhè nhẹ để cây đờn xuống.
Các cô xanh mặt dòm giáo giác.

Tôi đang gục lia cũng hoảng hồn nhảy ra ngoài.

Ba ghe trước đều buông chèo. Đàng xa hơn, mấy ngọn đuốc sáng lòa từ trên xuống nhỏ nhô ra.

Dưới ánh sáng, mấy anh chàng lực lưỡng, mình trần trụi trụi, đang phò anh chúa đoàn, bơi ào lại.

- Ăn cướp mầy Năm ơi!

Thằng Năm "mẹ thỏ" vừa nghe tôi kêu cướp đã tuôn ra ngoài phóng đùng xuống kinh lộ vô bờ lủi mất.

Các cô run lên cầm cập sa sầm áp nín lấy tôi. Bụng tôi đã thấy điếng mà bị "con Tám" ôm ngang cản cổ lại càng điếng hơn nữa.

- Mấy ghe kia lập tức ngừng lại, thằng Sàng ¹ ở đây!

Giọng hét sang sáng như Trương Phi hét Tào Tháo ở cầu Tràn Bản.

Mấy anh chèo bên ghe tôi khiếp đảm cũng nhảy đùng đùng xuống nước.

Tôi vội thổi tắt đèn, xô mấy cô nằm rạp dưới khoang ghe, rồi ngóc đầu lên dòm.

Bọn cướp lục ghe dâu rầm rầm.

Nghe tiếng khóc xen lẫn tiếng hăm dọa, tôi rợn người toan chỗi dậy nhảy đi, nhưng mấy cánh tay các cô bầu chặt như sam, không tài nào gỡ nổi.

Thôi thì, hoạ mang, mang lấy cho cùng, tôi chết sững đợi đến số phận mình.

Nhưng... bọn cướp đã hô "buồm" và mấy chiếc xuồng rẽ nước bắn đi...

Hú vía! Thì ra họ đã "no hàng" ở ghe đàng trai, không cần đến chúng tôi nữa.

Tôi lồm cồm ngồi dậy, đỡ mấy cô áo màu lên. Áo màu không còn là màu nữa. Bùn nước trong khoang ghe đã nhuộm thành rần ri mất rồi, mà mấy cô chỉ là những tàu lá đang run.

Không kịp lên tiếng hú coi thằng Năm núp ở đâu, và đến coi ghe đàng trước lành dữ thế nào, tôi ngấm nghĩ bậc cười nhớ đến câu hát trên đường Vĩnh Châu:

Tháng ba cơm gói ra hòn,

Muốn ăn trứng nhận phải lòn Hang Mai...

1 Một tướng cướp lừng danh ở miệt đó.

Châu Xương, cử Thanh Long Đao!

Hồi ấy bạn tôi và tôi còn gõ đầu trẻ để "kiếm xu mua gạo" trong cái làng mà nghe đến tên, các bạn sẽ rùng mình: Làng Rạch Cóc!

Thằng Năm Quấy (bạn tôi) có tánh liến thoắng, chưa gì đã bàn tìm nơi khác để sanh phương. Anh ta bảo:

- Thôi đi, ta sợ cóc lắm, vô trong ấy, buổi cơm nào người ta cũng ăn toàn là cóc thì chết đói vẫn hoàn chết đói!

Nhưng một tháng sau, chúng tôi đã "quen nước quen cái" với xóm Rạch Cóc.

Cóc đâu chẳng thấy, chỉ thấy toàn là thầy Rùa, Thầy Pháp, ông Đồng, bà Cốt, cô Tư, cô Hai, cô Bảy.

Các bạn đừng thêm: cô Năm Bến Tre, cô Ba Càn Thơ... coi chừng cái cần cổ: mấy cổ vận họng thì không khéo phải tổn một con gỏi... ¹

Ở đây có xác Ông - tức Quan Công - là được nhiều người rước nhất.

Nhưng muốn cầu Đức Quan Thánh về thì phải tốn một con heo: con heo ấy, sau khi lễ đàn rồi, lẽ cố nhiên là phải về tay ông Xác.

Chúng tôi đã được xem nhiều lần cách chữa bệnh của xác Ông, và lần nào cũng như lần nào, thấy con heo to tướng đặt ngay bàn giữa, thằng Năm Quấy cũng bảo tôi:

- Cái thằng cha xác không biết nó ăn làm sao cho hết mấy con heo!

Ông Xác làng Rạch Cóc có vẻ oai nghi đặc biệt mà lúc Ông đã nhập vào rồi thì xem còn lắm liệt hơn nữa.

Và lúc Đức Quan Vân Trường nạt to:

- Châu Xương, cử Thanh Long đao!... thì ngài liền tung mình đi một bộ võ tuyệt diệu.

Đứng ngoài xem, tôi cũng phải khen thầm: "Quả thật đệ nhất anh hùng!" còn bao nhiêu khán giả khác đều cúi đầu, mặt lộ vẻ sợ sệt: "Ông đang cử Thanh Long đao, coi chừng!"

Mỗi khi xem tới khúc ấy, thằng Năm Quấy thúc hông tôi, bảo nhỏ:

- Châu Xương chưa kịp cử đao, sao ông hơi sớm thế?

Tôi trả cái thúc lại, cũng bảo nhỏ:

- Câm miệng! Coi chừng Ông vót trái!

Quên cho các bạn biết chúng tôi đang ở đậu nhà ông Cả trong làng. Một hôm, con gái ông đau. Ông Cả vốn là người không tiếc một con "gỏi", nên vội ngay xác Ông đến và sửa soạn nhà cửa cho lễ đàn tiễn bề tiến hành.

Gia nhân làm thịt một con heo đúng tạ. Thằng Năm Quấy lại bảo với tôi:

- Đấy! Thêm một con nữa. Mới có ba hôm mà nó đã được hai con rồi, khoái thật!

Tối lại, gần hết dân trong làng đều tề tựu trước nhà ông Cả để chờ xem lễ đàn.

Đèn đốt sáng trưng. Gia quyến ông Cả đều đứng ngoài nhà trước, chỉ có hai chúng tôi là từ trong ngõ ra, không phải chen lấn ở hạng "cá kè" như mọi lần khác.

Ông đã nhập xác.

Ai nấy đều đứng im.

- Ta là Quan Vân Trường, Hán Thọ đình hầu!

Ông lại còn nói thêm, nói nhiều lắm, hỏi nhiều lắm.

Ông Cả vừa run run vái lạy, vừa lập cập trả lời.

Thằng Năm Quấy thì cứ mãi nhìn... mấy cô gái ở hạng "cá kè".

- Châu Xương, cử Thanh Long đao!

Tôi đang chăm chú xem, bỗng giật mình đánh thót vì bên tai có tiếng la:

- Dạ!

Thôi chết rồi, thằng Năm Quấy làm sao thế? Ừ chính người lên tiếng là thằng Năm Quấy, mà thằng Năm Quấy bây giờ lại cầm dao phay sáng giới từ chỗ đứng nhảy phắt ra, phùng mang, trợn mắt múa vù vù xem ghê quá.

Trong khán giả, tự nhiên có tiếng xầm xì.

Thằng Năm Quấy múa một vòng như Chệc Sơn Đông mãi võ, làm khán giả sợ sệt lần nhau lui xa ra.

Không còn một cái đầu nào dám nhìn lên.

Thằng Năm Quấy vẫn múa.

Tôi đứng cạnh chỗ xác Ông, thấy ngực lão ta phập phồng và miệng lão ta há hốc.

Lúc thằng Năm Quấy múa gần ông ta, tôi nghe có tiếng bảo:

- Chia hai! Chia hai!

Nó múa thêm một vòng nữa rồi quì xuống dựng cây dao ngang mày.

Chụp lấy con dao, mặt Ông trở lại oai nghi, Ông tung mình đi một bộ võ tuyệt diệu.

Khán giả vẫn cúi đầu.

o o o

- Mình phải chia ăn chứ! Mày xem, mới có ba ngày mà nó được những hai con rồi!

Trời ơi, nghĩ được cái ý ấy, ta sướng quá và phục... tao quá! Tao không thèm cho mày hay là sợ mày cản trở. Trong lúc tụi nó lục đục ở nhà trước, tao xuống bếp lấy con dao đem giấu phía sau tấm vách giữa, rồi tao chực hờm khi nói kêu "Củ Thanh Long đao" là nhảy ra. Sẵn trước kia có làm thầy tuồng cho gánh hát Thái Dương của thằng cha Cống Quỳnh, tao có học quơ bậy cặp song tô, nên đến khúc ấy tao chụp dao quậy vù vù cho tụi khán giả sợ lui ra xa.

Tao biết rồi, thế nào thằng chả cũng nói với tao một cái gì, mày bảo có "thánh" lắm không?

[1](#) Con heo, theo ngôn ngữ của ông đồng, bà cốt.

Trao thân con khi mốc!

Hương Ba cầu nhàu: "Cái làng gì mà kỳ khôi quá! Các ông nghĩ: Làm cha mẹ, ai cũng muốn cho con nó được nên vợ nên chồng, đàng này họ mắng bo bo mấy cái hủ tục bắt bẻ từ chút, đòi hỏi từ cái lẽ mạn, đã thèm rồi mới chịu gả con gái..."

- "Chịu gả" mà có xong cho đâu! Đây để tới lúc mình tới rước dâu rồi chú coi, chém chết ông Bái hay ông Tộc trưởng bên ấy cũng "vạn anh cai Sốt đủ điều..."

Ông Chánh Khá nói thêm một cách chán nản:

- Mà cái xứ gì ở xa tí-mù!

Rồi chán nản nhìn hàng cây mắm ở ven rừng, "giãim chân" bên bờ sông Ông Đốc.

Chiếc ghe máy có cái mũi ngạo nghễ, khoe những dây cờ lon con, giăng từ cột buồm ra sau lái.

Tiếng máy chạy sinh sịch.

Trời về chiều.

Tàu chạy hôm nay nữa là hai hôm rồi: sông Ông Đốc, kinh xáng Bà Kẹo, Đầm Cùn, kinh xáng Thọ Mai, nhưng xóm Kiến Vàng vẫn còn xa lơ xa lắc.

Họ đàn trai đã mệt nhọc ngồi trong chiếc tàu chật hẹp. Người ta ăn hết ba lượt bánh mì với thịt quay mua ở Cà Mau. Chú rể ngày đầu còn khăn đóng áo dài, hôm sau đã cởi đẹp lại một bên, mặc chiếc áo thun giả ngồi ở trước mũi tàu ngong ngóng, thỉnh thoảng vươn vai hít không khí rồi cú rữ nhìn lũ trẻ trong xóm chạy theo tàu trên bờ sông vỗ tay reo:

- Ê! Đám cưới!...

"Đi họ" còn có cả ba cô gái: áo tím, áo xanh, "bọt bê" dài thườn thọt.

Các cô tỉ mỉ từng chút, luôn luôn sẽ nhặt sống áo và lai quần hàng thẳng bóng để đôi giày cườm khỏi vướng mà làm lấm hư đi...

Hôm xuống tàu, ba cô chọn một chỗ sạch ngồi nói chuyện với nhau khe khẽ, ai mời ăn gì cũng từ chối, thỉnh thoảng đưa cái bóp đầm lên soi kiếng, sửa lại cái vành môi.

Nhưng hôm nay, ông Chánh Khá đã vắt cái áo đen trên vai và gó cái khăn đóng lại; ông chủ hôn Cai Sốt đã nằm ngáp trên chiếc sập con, thì các cô cũng đành chia nhau ăn mấy khúc bánh mì còn sót lại.

Son trên môi đã hoen ố, phấn trên má cũng phai đi từ khoảng. Chiếc khăn mù soa đã được nằm trong túi, không còn đeo đẳng với tay nữa. Vì hai bên bờ, rừng tràm và dừa nước, muối nó kêu vang lên như khát máu, đập bằng tay có hiệu nghiệm hơn, chớ cầm cái khăn mà chậm chạp thì nó không thấm tháp vào đâu cả.

Hương Ba cầu nhau mãi, và ngán lằn đến lúc ông phải đem khay trầu rượu đi trình đàn ông sui gái...

Năm nay đã gần tứ tuần, nhưng ông còn có vẻ... thanh xuân! Lần này là lần thứ mười tám ông đi làm rể phụ. Hễ bọn thanh niên trong làng có cưới hỏi, là người ta nhớ đến ông, vì ông đã từ trải lắm rồi, lại biết đủ tục lệ.

Ông thường bảo với bọn trẻ:

- Các cậu đừng tưởng làm rể phụ là dễ đâu. Để các cậu lãnh vai ấy thì có mà hồng bết...

o o o

Anh tài công cho hay:

- Khỏi vằm Mang Giổ rồi, còn hai cái doi nữa là tới Kiến Vàng!

Trời tối đen. Bầy muỗi tha hồ bu cắn mấy ông đi họ đang sật sừ.

Nhưng người ta đã giục nhau:

- Sửa soạn mau lên!

Ông Cai Sốt hớt hải:

- Mấy giờ rồi, mấy giờ rồi?

- Mới có mười giờ. Qua giờ Tý mới đúng.

- Thây kệ, giờ nào, tới thì phải lên, đã gần chết rục rồi đây!

Người ta hấp tấp sửa soạn. Hương Ba gò rắm khấn đóng cho ông Cai Sốt; chàng rể gài khuy cho ông Chánh Khá.

Bà sui trai và hai người đàn bà đi họ, mấy ngày giam hãm trong chiếc buồng con đàng sau lái tàu để xới trầu và xĩa thuốc, bây giờ cũng thấy hăng hái xếp đặt lại cái hộp trầu.

Ba cô thiếu nữ nheo mắt lo đánh vôi một lớp phấn và rán vẽ được hình trái tim trên đôi môi đỏ óng.

Người ta phủ lại nếp áo, người ta chùi sơ lớp bụi đóng trên mũi giày.

Cây đèn trên lưng lẳng giữa tàu giọt trên vách mấy cái bóng người đi đi lại lại.

Ông Hương Ba đã hờm sẵn khay trầu rượu xây qua dận chàng rể:

- Thanh, mầy bưng cái khay hộp theo tao nhé! Lúc làm lễ, hễ tao đặt khay trầu rượu ở bàn nào thì vợ chồng mầy sẽ lạy ở bàn đó... mà nhớ luôn luôn đứng bên tay trái nghe, "nam tả nữ hữu", rán học cho nằm lòng! Rồi tiếp:

- Còn tại thằng Trí, bưng mâm, khéo lột mấy trái cam đa, không được giỡn hớt như ở nhà, ở đây người ta khó lắm, coi chừng!...

Còn thằng nào đó, coi qua cái doi chót thì nhớ đốt pháo lên!

Tiếng pháo bắt đầu nổ vang cả xóm thì xa xa có tràng pháo trả lời.

Trên bờ sông mấy con chó hè nhau đứng sủa...

Tàu ghé bên cầu có nhà mát. Cả đoàn lần lượt lên bờ và sắp hàng có thứ tự đi vô sân, đứng đợi.

Trong nhà khách, ba bốn ông lão đang nói chuyện vang quanh chiếc bàn tròn trải khăn

đỏ!

Mấy cây đèn sáp rọi sáng cả gian nhà.

Một bọn trai tráng mặc áo dài đen chạy lăng xăng, pha trà, bưng chén.

Họ hàng trai vẫn đứng ngoài chờ.

Hương Ba nóng ruột:

- Mẹ! Tại sao không có người ra mời?

Một câu nói trịnh trọng từ trong nhà khách đưa ra dường như để trả lời:

- Bây ra ngoài mời họ hàng trai đứng chờ đấy. Chưa tới giờ đâu!

Chưa tới giờ! Mấy tên bưng mâm chán nản. Thằng Trí làm bầm:

- Đợi tới giờ thì gãy mẹ cái tay đi còn gì! Mời thấy tổ rồi đấy!

Ông rề phụ bực mình ghé vào tai ông Chánh Khá:

- Giương là trưởng tộc, rần đối đáp! Bây giờ mình cứ việc... Tôi sẽ dán đôi liễn, rồi thì mình xin cưới đặng về cho kịp con nước một giờ!

Thế là Hương ba bước liêu vô nhà và đến đặt khay trà rượu trên bàn giữa.

Mấy ông lão trợn tròn.

Ông Bái run run, khẽ kéo cái gọng kiếng sụp xuống chót mũi, đầu nghiêng phía trước, cái búi tóc lợt ra ngoài lớp khăn đóng, dựng đứng lên như tức giận, ngó thẳng vào mặt Hương Ba, dữ tợn.

Nhưng Hương Ba đã chấp tay:

- Dạ... Xin... cho phép tôi... dán đôi liễn.

- À! Dán liễn! Mà đã tới giờ đâu? Không phải các ông muốn tới bắt con gài người ta lúc nào cũng được!...

- Dạ, tôi chỉ xin dán liễn!

Một ông họ gái già sạm có cái mép lồm chồm mấy cọng râu ngắn dài không đều, che mái lưa thưa trên hai làn môi mỏng đang "hăm" lui tuốt vô miệng để cái cảm lẩn nước nhô ra như một lái tàu xà lúp...: làn da mặt nhăn nhú khô đét như vỏ cây khô cháy nắng; tất cả sự sống đều dồn về cặp mắt loang loáng chỉ nhìn vòng qua cái gọng kiếng bằng thau; cái khăn đóng quấn sưng hai vòng, cao, dày, để lòi ở từng thượng một búi tóc bạc phơ.

Cả gương mặt có một vẻ gì vừa lạnh lẽo, vừa gay gắt mà một đứa bé con thấy được là phải khóc ngay!

Ông họ ấy đang chăm chăm nhìn mọi người với những nét mặt không cảm giác, sực lên tiếng khi nghe Hương Ba nói tới liền.

- Dán liền à! Được!

Người ta thoáng thấy một cái nhích mép đưa nhẹ chòm râu xéo một bên: Cười hay gậy? Nào ai biết!

Hương Ba ngờ ngợ nhìn và lạnh lợi:

- Ông Tộc trưởng cho phép chúng tôi dán đôi liền giao hiếu.

- Được. Coi nào!

Không đợi nhắc, Hương Ba lẹ làng phết hồ lên cột.

Ông Tộc trưởng chậm chạp đứng dậy cầm đèn sáp nhỏ đi theo xem.

Lớp tuổi già đê nặng trên lưng, nhưng ông cũng cố gượng ngược lên, tay giơ cây đèn cao khỏi đỉnh đầu, tay gõ bằng mấy cái móng dài thườn thượt trên lớp liền đồ, dò từng nét, từng chữ một và chậm chạp đọc:

-Thừa... long... lạc... ý... tam... chi... thọ...

Ông gật gù, nặng nề bước qua cột bên kia. Ánh đèn làm nổi bật mấy nét mặt và chói sáng cả cái "tầng thượng" trên chiếc khăn đóng: mỗi cái gật làm bụi tóc lác lư như con "lật đật" của trẻ con!

-Giá... phụng... quan... thành... bách... lượng... xa!

Rồi bằng một giọng ngâm trầm bổng, ông lặp lại và phê bình:

-Thừa long lạc ý tam chi thọ ... Hay!

Giá phụng quan thành bách lượng xa... Cũng hay!

Nhưng mà, ông chủ hôn ơi! Ông cắt nghĩa giùm thử coi câu liền nó thế nào mà tôi "dốt tới dốt tằm" không hiểu được!

Ông lại chép miệng lằm thằm như tự hỏi:

-Tam chi thọ ? Ba nhánh hay ba họ?...

Ông Chánh Khá nãy giờ đứng rón rén cạnh Hương ba, nghe kêu, vội vàng đưa tay lên sửa vành khăn đóng, mạnh dạn bước tới biết rằng "chiến cuộc" đã "khai hấn" và sứ mạng của ông là phải giữ danh dự cho phe nhà:

- Dám thưa ông Tộc trưởng, chúng tôi không phải là kẻ thâm nho, tài hèn chỉ đáng làm môn đệ của ông, nhưng ông đã dạy, tôi xin mạng phép vâng lời, nhờ ông không chấp cho chuyện trước cửa Lỗ Ban múa búa. Tôi có thể thích nghĩa xuôi hai câu ấy ra như thế này:

Chú rể cỡi rồng nường cây ba nhánh,

Cô dâu hỉ hạ tìm đặng mới trăm xe...

Còn dịch nôm thì tôi nghe ông Đồ Ướt nhà tôi diễn thử trong câu này:

Rể lành đủ dựa tài lương đồng,

Dâu thảo vui nên bậc thế quyền...

Tưởng cũng tạm gọi được là hay vậy. Chẳng hay ông Tộc trưởng nghĩ thế nào?

- Hay? Tạm gọi là hay? Già này thấp thỏi không biết nôm na cao kiến như mấy ông, già chỉ biết rằng trong rừng nho biển thánh, không thiếu chi tiếng dưng, sao lại đem nào là "thừa long... giá phụng..." tiếng của bậc đế vương vua chúa vô làm chi cho tủ nhục thêm cho con nhà "dân dã" chúng tôi...

Chánh Khá xanh mặt:

- Thưa ông...

- Thôi, thưa gởi làm chi nữa, theo phép mấy ông trầu rượu tới đây cưới con gái nhà tôi, mấy ông không có quyền khinh khi quá lẽ... Bây giờ tôi muốn coi đồ nữ trang trước rồi đợi tới giờ sẽ hay.

Hương Ba vội vàng mở khay hộp. Ông Tộc trưởng nâng từ chiếc vòng, sợi dây chuyền lên nhìn, bỗng nhiên mắt ông sáng hoắc lạ thường chép miệng hỏi:

- Ủa, sao lại có đôi bông nở mà không có bông búp?

Chánh Khá rối loạn chực nói, nhưng đã bỡ ngỡ nhìn mọi người.

Hương Ba lẹ miệng đỡ lời:

- Thưa bông búp là hồi "ăn trầu uống rượu" kia. Lời tục người ta nói: "Bông búp về nàng, bông nở về anh", vì đường xa xuôi quá, chúng tôi đã yêu cầu trầu rượu cưới hỏi một lần thì chúng tôi tưởng "bông nở" không, cũng đủ lẽ rồi vậy...

Ông Bái ngồi chăm chỉ nghe đến đó, bỗng nhiên khóc lên rưng rức:

- Nhà tôi vô phước. Trời ơi, con làm nhục cha nhục mẹ vậy hỡi con!... Sanh con tưởng gả được chỗ môn đăng hộ đối, ai dè họ khi mình đến đối này...

Ông Chánh Khá bị "tấn công" gắt quá, đành đưa mắt cầu cứu với Hương Ba lần nữa mà mồ hôi trên trán đã nhỏ giọt.

Hương Ba chẳng nói chẳng rằng, ngoắt chàng rể bước vào, còn ông thì đến cạnh ông Chánh Khá, lấy mắt ngụ ý nói "để tôi" rồi nói lớn để thay đổi cuộc diện:

- Đã trình đồ nữ trang, thì bây giờ xin lên đèn làm lễ cưới.

Ông Tộc trưởng trợn ngược cặp mắt, đôi lông chân chày dựng lên làm tăng vẻ giận dữ,

oai nghi:

- Ai cho phép chú cưới? Tôi bảo đợi tới giờ nghe chưa?

Ông Chánh Khá lập tức trả lời khéo léo:

- Xin ông Tộc trưởng thương giùm. Con rể nó ở đời với nhau được, có phải tại cái giờ đó đâu. Nếu chờ đến giờ Tý, con nước chảy ròng cho đến trưa mai, thì chúng tôi chịu ngược cả máy con nước nữa, chắc chết đói ở dọc đường. Nhất là cô dâu không quen đi đường trường bó rọ dưới tàu năm sáu bữa, chẳng là tội nghiệp lắm sao?

Ông Tộc trưởng nín lặng.

Chánh Khá lấy Hương Ba. Hương Ba hội ý, xì ống quẹt nổi đèn khay trà rượu rồi đưa tay ngoắt một cái. Đám bưng mâm lục tục kéo vào.

o o o

Trong lúc lộn xộn, Hương Ba lừa dịp kề tai Chánh Khá bảo một câu:

- Lạy họ xong, giượng xin kiếu liền, đừng để trễ một phút nào cả. Mình không cần ăn mà cũng không cần họ tử tế nữa. Chẳng lẽ họ níu con dâu lại đâu mà sợ.

Chánh Khá làm như lờ.

Họ đành trại đã thông đồng ăn rập nhau đứng lên một lượt.

Thấy con mình bị "bắt" đi một cách "cấp tốc", bà Bái trong nhà khóc rống lên như đám ma, còn ông Tộc trưởng vỗ bàn ầm ĩ.

Nhưng, đám bưng mâm đã vây quanh hộ tống cô dâu, chàng rể xuống tàu một cách hùng dũng, dẫu phe ông Bái có muốn "phá vòng vây", cũng không tài nào vô nổi.

Mọi người đều xuống tàu, trừ Hương Ba đang hí hửng như vừa "thắng trận", đứng cạnh Chánh Khá nói nói cười cười:

- Vậy cũng xong! Đó, giượng thấy chưa, mình phải... mình phải cương quyết, phải... tài ba như vậy mới được chứ!

Bỗng ông Tộc trưởng trên nhà chống gậy xông xộc chạy xuống níu tay ông Chánh Khá thở hào hển, vênh râu, sừng sộ:

- Còn lẽ... "trao thân gởi mình", sao không làm hử?

Nhưng Hương Ba bước vội xuống tàu, mặt đang nở như hoa, tự nhiên xanh xám lại, kéo đại ông Chánh Khá theo, cộc lốc trả lời:

- Trao thân... con khỉ mốc!

Anh tài công tàu giật chuông mở máy...

Cảnh tre cũ, cặp giò xưa

Tôi đứng núp sau lùm bông phướn, tay cầm chắc ngọn roi tre, vững lòng chờ. Hễ bóng đen nào lao tới nạp mình là tôi khệng cho một cây, lập kỳ công bắt hủ!

Tiếng kêu cướp rền trời phía nhà ông Bá và tiếng mõ hồi một làm vang động cả đêm khuya. Bầy chó trong xóm cũng hè nhau sủa rầm lên dữ dội.

Bỗng trống ngực tôi đánh lồng lên, tôi vánh tai nghe tiếng thành thạch từ xa chạy lại.

Bóng người vừa nhô tới là tôi rần sức bình sanh cầm ngọn roi quất ngang vào ống quyển: Rốp!

Có thể mới được chó! Tôi nhà đại vào đồng đen đang té nằm rên dưới đất, ôm chặt lá, nghiến răng:

- Chó chết, mày có chạy đàng trời!....

Nhưng, thiên địa quỷ thần ơi! Người tôi đang ôm cứng lại là... một cô gái!

Thôi phen này có nước mà chết nhục với đời! Tôi rưng rờ buông lỏng nàng ra, hỏi:

- Cô là ai, có sao không cô? Cô chạy đi đâu làm vậy cho tôi tưởng làm là kẻ cướp?

Nàng rên rĩ:

- Chết tôi đi anh ơi, tôi là con ông Bá đây! Anh làm ơn.... Đem tôi vô nhà... rồi tôi kể hết chuyện cho anh nghe, mau đi anh, đừng cho ai biết, mau đi anh!...

nàng nói rồi, oằn oại, nằm thêm thiếp...

Làm sao bây giờ? Có Phật Trời nào chứng chiếu cho cả tấm lòng trong suốt của tôi?

Giúp người, hại mình, bây giờ đâu có thể chần chờ mãi được. Rủi thiên hạ xông tới gặp tôi đang níu lấy nàng, tôi mới ăn nói cách nào cho xuôi?

Thôi, rủi đã vương lấy họa, tấm thân bầy thước còn kể gì, tôi kê vai vác nàng vô cửa.

Thằng Năm dầu có ngủ mê cách nào cũng đã thức dậy lục đục đốt đèn.

Thấy tôi công một công lù lù đi vô, nó kinh hãi nhảy lui một bước toan la, thì tôi đã khoát tay bảo nhỏ:

- Tao đây, cầm họng lại, ra đóng chặt cánh cửa cái, mau lên!...

Nó sững sờ nhìn cái "sức nặng" trên vai tôi, rồi riu riu vâng lời.

Tôi đặt "cục nợ đời" nằm xuống bộ ván trong, lấy dầu thoa trán cho hoàn hồn, rồi xây lưng ra ngoài, kéo tay thằng Năm:

- Nguy lắm rồi mày Năm ơi! Nghe đằng nhà ông Bá bị cướp, tao tốc mùng vác cây roi tre ra tiếp cứu, không dè ba chóp ba nháng, đập nhằm con gái ông gần chết, tao lật đật cõng về đây!

- Khốn nạn chưa! Biết làm sao mày không tháo chạy, lại rước "củ nợ" ấy về làm chi, hỡi Trời!...

- Ai tàn nhẫn như vậy được mậy? Đã đập cho người ta ngất ngư, còn bỏ chạy là nghĩa lý gì? Vả lại hồi nãy, lúc tao ôm "con mẹ", "con mẹ" năn nỉ tao cõng về, tao bần loạn nghe theo, không kịp suy nghĩ, bây giờ biết làm thế nào?

- "Con mẹ" năn nỉ mày cõng về! Rồi mày cõng? Hừ, làm thế nào thì làm, tao bỏ nhà này cho mày ở!

- Tội nghiệp tao mà mày Năm, chuyện đã lỡ ra thế này, mày phải giúp tao gỡ rối mới được!

- Giúp mày? nghĩa là cõng đem trả? Mô Phật, tao không có cái lưng "nghĩa hiệp" như mày đâu!

- Không mà! Số là tao chưa biết át giáp gì hết, mày lập tức giùm chạy lại nhà ông Bá coi cho tao hay. Chuyện này tao nghi lắm, tao phải chờ "con mẹ" tỉnh hồn lại mà cất vấn mới được. Giùm mau đi Năm!

Thằng Năm lật đật thoát ra mà vẫn cần nhần cần nhẩn:

- Ủ, tao cũng "nghĩ" lắm, chỉ thương hai cho tao không ăn mà chịu, rủi thời mang nhục cả lũ cho mà coi!

Tôi đi tới đi lui trong nhà, bóp đầu suy nghĩ vì "cục nợ đời" vẫn còn nằm thêm thiếp, thì thằng Năm hào hển chạy vào:

- Tao lạy mày, tao lạy mày, mày mau đem "con mẹ", trả chỗ nào thì trả, không thì vạ tới nơi...!

- Thong thả mà nói, làm gì rồi rít lên như thế?

- Thong thả sao được, ông Bá vừa bị một người cầm dao vào hăm dọa đòi giết, rồi nó trối ổng lại, dắt con gái ông đi. Ông la rầm lên, thiên hạ đang đuổi theo lục soát lùm tum beng kia!

Tôi nghe thằng Năm nói, hồn phi phách tán cứng họng nói chẳng ra lời.

- Bây giờ mày đứng "chết trân" đó mà chịu hay sao? Đây, tao vừa nghĩ được một kế cứu mậy: Tội mình áp khiêng "cục nợ" đó ra đầu ngã ba này rồi đồng la lên: "Bớ người ta! Ai nắm đây!", cho thiên hạ đổ lại "rước" con mẹ về là xong!....

Thằng Năm nói dứt lời kéo xեն tôi lại ván nhận đầu tôi xuống, khiêng "nàng" lên.

"Nàng" vẫn con chưa tỉnh hẳn....

Đêm ấy, sau khi tìm được con gái ông Bá, "họ" còn bắt được cả thủ phạm: thằng Tư Rồ! Nội vụ đưa ra làng, giao cho Hương quản làm "ăng kết".

Trên bàn Hương quản lại nhà công, một cây dao sắc lẹm để nằm làm tang vật. Thằng Tư Rồ bị trói ké ngồi cú rữ ở góc phòng. Ông Bá khép nép đứng cạnh đó và một dọc dài chứng cứ.... có cả tôi và thằng Năm!

Thầy Hương quản là một người ốm mảnh khảnh nhưng có một bộ râu dữ tợn, cặp mắt oai nghi, trông vào ai cũng hết vía.

Thầy ngồi giữa bàn, ngậm cái ống cối to tướng, nghiêm sắc mặt, kêu ông Bá hỏi trước:

- Sao, ông hãy thuật đầu đuôi gốc ngọn cho làng nghe

Ông Bá khúm núm:

- Thưa thầy, cách đây một năm, tôi thấy thằng Rồ này khá đũa, biết lo làm ăn, nên tôi định gả con Hai tôi cho nó. Tôi kêu nó về ở rể đúng năm rồi sẽ chọn ngày lành tháng tốt cho chúng nó nên vợ nên chồng.

Mấy tháng đầu về với tôi, nó làm việc lực bặt biết chiều chuộng tôi, biết lo bổn phận. Không dè khi gần ngày cưới bỗng thình nó phát lên làm biếng, làm nhác, không chịu làm việc nữa, cứ rử rề bạn bè nó lại phá gà, phá vịt hoặc thả đi luông tuồng. Tôi rầy la mãi không được, túng tôi phải hăm nó: Nếu nó còn giữ thói đó nữa, thì tôi tống cổ nó ra ngoài và không gã con cho nó. Nó vẫn không nghe, tôi buộc lòng tôi phải đuổi nó.

Thằng Tư Rồ đang ngồi, vụng đứng dậy dợm cãi, nhưng bị anh Cai tuần chụp đê cổ xuống, và thầy Hương quản trợn mắt, làm nó phải ngồi lại nín khe.

Ông Bá tiếp theo:

- Thế rồi gần tháng nay tôi tưởng nó về với cha mẹ nó, không dè đêm hôm, tôi đang nằm ngủ quên giữa ván nhà, bỗng đâu nó đẩy cửa nhảy xổ vào, phóng lên ván, câu hai cẳng đê cứng mình tôi, tay đưa dao hăm dọa: "Ba la một tiếng tôi phụng một cái rụng đầu!"

Tôi sợ quá năn nỉ nó, nó không buông, còn lấy dây trong áo trói tôi lại, rồi xông vô buồng bắt con gái tôi đi....

Ông Bá khai rồi đứng sang một bên. Đến lượt thằng Tư Rồ được Cai tuần dẫn lại giữa bàn.

- Sao, thằng chó chết này, mày phải khai cho thiệt! Thầy Hương quản ra lệnh.

Thằng Tư Rồ hần học từ lâu, được phép cho nói tuôn ra một hơi:

- Bẩm thầy, ổng nói láo! ổng hứa gả con Hai cho tôi, ổng bắt tôi về ở rể, đầy tôi như đầy tớ mà cấm tôi không được nói chuyện với vợ tôi tiếng nào. Rồi gần đến ngày cưới, thình lình ổng đuổi tôi đi. Tôi năn nỉ hết lời, ổng cũng không chịu cho tôi ở lại. Tôi chắc ổng giận tôi chuyện gì nên bóp bụng ra về, định chờ ổng người ngoài sẽ năn nỉ xin cưới.

Không dè mới đây người ta cho tôi hay rằng ổng đã kêu thằng Út ở xóm trong vào ở rể

nữa.

Tôi tức mình đón vợ tôi gạn hỏi. Té ra ông ép vợ tôi, không cho đi đâu khỏi nhà. Biết rằng vợ tôi nó cũng thương tôi lắm, mà ông thì độc ác không thể năn nỉ được, tôi vẫn chiều lòng đến lạy lục ông năm bảy phen. Lần nào ông cũng đuổi tôi như đuổi chó.

Tức quá, tôi mới xách dao lại hăm ông, đó là sự bắt đắc dĩ, xin thầy xét lại cho tôi nhờ.

- Mày có dè, trói, và hăm giết ông không?

- Bẩm có, vì ông thấy tôi, ông muốn la, tôi dè ông trên ván và nói: "Nếu ba không gả con cho tôi, tôi sẽ lấy đầu ba". Tôi nói vậy là để cho ông sợ, ông gả con Hai cho tôi, chớ tôi không có ý định giết ông.

- Được rồi! Rồi mày trói ông lại và cướp con gái ông đi?

- Bẩm, ông nằn nằn không chịu, ông nói rằng tại vợ tôi muốn vậy. Tức quá tôi phải trói ông lại, chạy vô buồng hỏi, và biết rằng có nói cũng vô ích, tôi đánh liều tính dẫn vợ tôi đi ít lâu rồi về thú phạt. Đó là vợ tôi chịu theo tôi chớ tôi đâu có bắt ngang....

o o o

Làng làm ăng kết xong, liền giải thàng Tư Rõ ra quận.

Tôi không chờ biết kết cuộc ra thế nào, chán cả kiếp sống ở đồng, nghĩ tủi tấm thân bầy thược của mình mỗi lần phải đụng đầu với con gái ông Bá.

Tôi không phải cây cỏ gì mà không biết ơn nàng khi nàng không hề hờ môi cho ai biết vụ tôi đập nàng một cây và tôi công nàng về nhà đêm ấy.

Nhưng mỗi khi gặp nàng ở đâu là nàng ngó tôi một cách khẩn thiết như muốn bày tỏ một sự gì, rồi nàng dòm xuống cặp giò cườì mím. Tôi hiểu là nàng muốn nhắc tới ngọn roi tre cũ, nhưng tôi tăng lờ quay đi...

- Không được mày Năm, ở đây rồi phải chết một cửa tứ! Coi bộ con mẽ... "cảm" tao rồi mày ơi.

- Tùy mày, mày muốn sao cũng được. Đi ở là quyền của mày. Nhưng tao nghĩ mà tức cườì, nếu hôm trước "con mẽ" tỉnh, và "con mẽ" quyết nằm lì ở nhà mình, thì chắc "thế cuộc" giờ đã đổi khác, đâu còn cái vụ quần quít giữa "cành tre cũ với cặp giò xưa".

Đồng Trác biết sập giàn

Ghe hát bầu Tèo hôm ấy đã thấy chèo đến đậu ngay trước đình làng. Con nít chạy bu theo trên bờ kính vỗ tay la rầm rĩ:

- Bầu Tèo ở cù lao Heo tụi bây ơi!

Đình đang buổi kỳ yên. Người ta dọn sẵn sàng tất cả, chỉ chờ ghe hát đến là lên giàn.

Bạn hát được dân làng phụ giúp, chỉ non nửa ngày là cất rạp xong đầu đấy. Chiều đến, họ có thể giống trống xây châu. Làng đã nhứt định hát ba "thứ", mỗi "thứ" ba chục đồng, tùy ông bầu chọn tuồng, miễn cho xứng đáng thì thôi. Và nếu được vừa lòng, làng sẽ tùy tiện thưởng thêm là khác nữa.

Làng lại cho ông sáu Lý phụ đóng thêm một vai trong tuồng nào cũng được.

Ông sáu Lý là tướng hát rành nghề. Trong giới hát bộ, đã đành rằng không đào ké nào là chẳng biết danh ông, mà thậm chí đến dân làng hể nghe đến tên ông, là hăm hở phục tào.

Năm nay ông đã già. Ông có bộ râu hơi dài và người ông hơi ốm. Nhưng không vì thế mà tài ông giảm đi.

Chẳng những ông hát hay mà ông lại có tánh vui vẻ bất thiệp, ở cảnh ngộ ngào ông cũng làm cho người ta vừa bụng, nhất là đám trẻ con trong làng. Hể chúng gặp ông đâu là nài nỉ xin ông "đi" cho một bộ Trương Phi hay Triệu Tử.

Ông vò đầu chúng, rồi sẵn lòng bẻ một cành cây làm roi ngựa, giả đáp giáp, hát râu, múa lãn chiêng y như trên sân khấu.

Ngoài ông sáu Lý, làng lại cử ông Chánh bá cầm chầu.

Ông này lại có cái đặc biệt khác.

Gánh hát nào đến cũng phải cạy nhờ ông.

Được một người cầm chầu giỏi, đúng phép, không tư vị, biết giục lòng, con hát mới phấn khởi, mới hả hê.

Một tiếng "thùng" cũng đã làm cho họ sung sướng mà hai ba "chầu" liên tiếp lại còn làm cho họ nở lòng.

Ông Chánh bá trong làng thường bảo:

- Mình cầm chầu không đúng đắn, bọn hát nó khi, nhiều khi nó dễ người lòn mặt. Ôm chầu như tôi, tôi đổ đào kép nào dám ra hát "ầu" dựng lãn tiền. Không một tiếng trống của tôi cũng đủ cho họ bị bầu gánh cúp tiền cũ đêm đó...

Mà thật ông Chánh bá rành điệu cầm chầu tự hồi ông còn ở chức Hương thân kia lặn.

Tiếng đồn ông sáu Lý hát và ông Chánh báai cầm chầu được truyền đi liền khắp xóm.

Người ta thắp thỏm chờ đến buổi chiều. Trẻ con rộn rục đòi áo quần, xin xu ăn bánh; các anh trai tráng nôn nao bỏ giấc nghỉ trưa ở luôn ngoài ruộng đợi chiều về sớm một chút; các cô gái, mặt trời chưa chên bóng là đã lo làm cá nấu cơm.

Khi tiếng trống "thùng thùng" nổi lên trên xóm đình, thì dọc theo bờ ruộng đã thấy lũ lượt kẻ năm người ba kéo nhau đi xem hát.

Sân đình trước là một đám cỏ cao nghều nghệu, chỉ sơ sơ trong nửa buổi là bị dẫu chơn người giẫm lên sát rạt.

Trước rạp, người ta dọn dẹp sạch sẽ, sắp một hàng ghế dài để dành riêng cho các bậc kỳ lão và hương chức; kế đó là ghế của tư nhận. họ khuôn từ nhà đem lại, chen nhau giành chỗ.

Giàn hát cất không được cao; bên trái là buồng kèn nhạc, bên phải là buồng của đào kép sắm tuồng. Chính bên phải là chỗ để trống chầu cho ông Chánh báai ngồi.

Hai ngọn đèn "măng sông" được treo tòn ten trên cao, trước rạp.

Ba hồi trống cơm "tùm tum, tùm tum" báo rằng đào kép sắp "ra tuồng", mà tội quá, đám con nít cứ chen lấn nhau kêu la ầm ĩ. Chúng trèo níu, đánh đeo ở hai bên giàn coi đàn kèn và coi các ông tướng vẽ mặt.

Hai anh Cai tuần lãnh coi trật tự đuổi thế nào chúng cũng không đi. Tức quá, họ bẻ roi quát bỏ trên đầu, trên lưng làm chúng kinh hoảng lẫn nhau té đùn cục.

Nhưng một lát, chờ khi anh Cai tuần rỏn đi chỗ khác, là chúng lại leo lên bu xung quanh như kiến. Ông Chánh báai là người hiền từ thuở giờ, bị chúng chen lấn quá, ngồi chầu không được, ông phát giận dữ phải giơ dùi trống lên "khặng" cho mấy đứa đến u đầu.

Đêm ấy hát tuồng Phụng Nghi Đình. Chính ông sáu Lý ồm tong, bây giờ động cái bụng to, mặc áo rộng xùng xình đóng vai Đổng Trác.

Mỗi lần ông đi kệ nệ, vuốt râu, đưa quạt lên trời hát hát, là mỗi lần người ta la ó dậy.

Lữ bố là một anh chàng trai trẻ, mặt đẹp như con gái, giắt hai lá cờ soái hai bên lưng, thắt cái bông tròn trước ngực, đầu đội mào kim khôi, tay cầm phượng thiên hoạ kích, oai vệ vô cùng.

Điêu thuyền là cô đào chánh của gánh hát mặt hoa da phấn, yếu điệu thướt tha, màu mè cặp bồ với Lữ Bố thật xứng lứa vừa đôi.

Anh chàng Lữ Bố có cái bộ ghen tuyệt diệu. Mỗi lần anh hần học với Điêu Thuyền là mỗi lần mấy cô ngồi chen nhau ở "hạng ba" véo nhau gần nháy nhồm, và hít hà chất lười như đám thần lẫn kêu đói ở trong đình.

Một điều đáng để ý là sau lưng các cô, đó một chị đàn bà nào, một ông già bà cả nào, hoặc một đứa con nít nào bén măng tới được. Toàn là bọn thanh niên đầu chải bóng láng. Chen chúc nhau đứng cặp kè. Rọ rạ nói chuyện vang trời. Đứa thuộc Tam Quốc nói thôi vô số kể, đứa phê bình kép hát, có đứa lại nói tiếng Tây!

Đã vậy mỗi lần ông sáu Lý vỗ cái bụng phệ làm cho người ta cười ngã nghiêng, ngã ngựa, thì phía ngoài thêm một vài cậu lừa thế thò đầu vô, hai tay vệt đàn bà con nít, mắt liếc coi phía nào có mấy cô là chen tới.

Đàng kia, ông Chánh bài đã bỏ dùi xuống làm u đầu năm bảy đứa con nít rồi, nên chúng tức tối lập thế trả thù.

Chờ đến hồi "cụp lạp", lúc Lữ Bố nghe nhảy sấn lại cắn, véo, đánh yêu Diêu Thuyền, ông Chánh bài sửa gọng kiếng lại ngay ngắn, ngồi nhìn chết sững chúng bèn hốt nào cát, nào bụi, nào xác mía len lén để đầy trên mặt trống.

Ông Chánh bài gặp lúc say mê, vô ý không dòm trước dòm sau, giờ dùi thẳng cánh "chầu" liên tiếp. Tiếng trống vừa kêu "thùng" là cát, bụi, xác mía bay tưởi lên đầu, lấp mặt ông. Ông đổ mặt tía tai, quơ dùi "lia" xung quanh, con nít té lăn đùn cụp, kêu khóc om sòm.

Nhưng, thiên hạ ai cũng để hết tinh thần vào lớp "cục" ấy, ông Chánh bài có làm gì, con nít có la bao nhiêu, cũng không ai màng tới.

Có vài chị đàn bà bồng con, tay vạch áo đưa vú cho con bú mà mắt chăm ngay lên sân khấu, hồn gởi trọn cho Diêu Thuyền. Đứa con ngậm vú không được vùng khóc ré lên. Chị ta không kể đến, cứ đứng sững giờ tay đỡ nhai chan chát vào đít đứa con. Đứa bé khóc ngất.

Đang hát "cụp" quá mà trời lại vần vũ kéo mây và trong giáy lát mưa nhều hột lâm râm.

Đám người vẫn không thấy nhúc nhích.

Kịp khi một ngọn gió lạnh thổi qua, mưa tuôn ào xuống, họ mới vệt nhau chen lẫn lại gần gần, có cái mái che cho hương chức.

Lại càng là một dịp cho các cậu trai giành nhau xô mấy cô gần ngã sấp.

Tội nghiệp, cô mất guốc, cô mất giày, vừa lom khom xuống lượm liền bị chúng ùi té nhủi.

Nhưng mặc, các cô vừa chửi rửa rùm trời, vừa mò mò quyết tìm cho được giày guốc mới nghe.

Mưa lớn quá. Lũ con nít bu lại hai bên giành, đeo như ong.

Ông Chánh bài không cảm chầu được nữa; ông đã lạc đầu trong đám người hỗn độn.

Trên rạp, Đông Trác (ông sáu Lý) đang giựt cây phượng thiên hoa kích đuổi theo phóng Lữ Bố, bỗng nhiên đứng dừng lại kêu to:

- Con nít xuống bót! coi chừng sập giàn!

Nhưng mặc ông kêu mặc ông, con nít vẫn ùa nhau chen lẫn và chỉ trong chốc lát tiếng cây gãy răng rắc, dây buộc nghiêng cò ke, giàn hát đang rung rinh, bỗng nhiên "vươn mình" như một kẻ liệt gân rồi "sụn" xuống....

Ông tướng "thầy ba"

Hai người dọn đồ xuống đò hôm ấy chính là tôi và thằng Năm. Biết lắm! nghề gì thuộc về "tà đạo" thì sớm muộn cũng bị tổ trác! Tôi thường bảo thằng Năm như thế, nhưng chứng nào tật ấy, nó có nghe cho đâu.

Kiểm ăn được một mẻ "Châu Xương", nó bắt bén trở nghề. Ban đầu trị bệnh con nít, mắc con "sát", con "trùng" gì ấy, lần lần nó bắt qua chữa bệnh người lớn. Ai đau gì nó cũng trị được, ai mắc gì nó cũng chữa được. Đó mới là cái... biệt tài.

Mỗi lần thằng Năm xách "ông tướng Thầy Ba" đi đâu, tôi cũng căn dặn kỹ:

- Mày... cho khéo... coi chừng...!

Nó liền trả lời gọn:

- Bánh mà!

Tôi có thể nói cách kiếm ăn của chúng tôi lúc đó cũng hơi bất lương, nhưng lỡ nghèo sanh kế biết sao bây giờ!

Mà cũng may, cái thằng vậ mà "bà cậu độ", được thiên hạ hoan nghinh.

Lần nào về thuật lại cái may, nó cũng cầm "ông tướng Thầy Ba" vuốt ve rồi hình mặt:

- Ông linh lắm mày à!

Lời nói này kết quả ngay ở nhà ông Phối sư Cụt!

Hôm ấy, nó rủ tôi cùng đi. Nó bảo:

- Con nhỏ đau đó bảnh lắm, mày đi với tao lấy hên, biết đâu khi tao thổi phép cho nó mạnh, ông Phối sư không cảm cảnh gả quách nó cho mày... hay cho tao?

- Tao mà làm cái mớ mớ gì mậy. Mày có công thì mày hưởng chứ!

- Ậy, đi, tao làm cho coi mà!

Thằng nó biết giàn trận coi cũng khá khiễn, phải tay thầy bùa.

Con gái ông Phối sư đau nằm trong buồng, nói xin giàn trận ngay trong buồng:

- Bệnh tà thì phải biết, đem đi đâu được! Nó bảo như thế.

Mà thật, cô ấy tối ngày cứ ợ ngáp, lên lên, xuống xuống. Đang nằm yên, bỗng la rầm lên một chập rồi nằm xuống. Có khi cô nhảy xuống đất đánh võ toi bời, xé rách ten cả quần áo rồi ôm cột giường mà khóc!

Thằng Năm bảo đó là một con "tinh" dữ, ở "miền dưới" muốn bắt cô ta theo nên hành hạ cô dữ quá!

Nó đánh phách với ông Phối sư:

- Phi tôi, đó thằng cha thầy nào trị nổi!

Nó đòi giấy vàng, sớ, bút lông để họa phù trần bốn góc buồng.

Sau khi giắt lá bùa trên lưng tôi và lưng ông Phối sư cho trấn thủ ngoài cửa buồng, nó nai nịt gọn ghẽ, một tay xách cây dao "đạn tô" với cái hủ không, thứ hủ đựng cải tăn-xại, một tay cầm ông tướng Thầy Ba, nhảy xổ vào bắt tà.

Vừa kéo cửa phòng cái rột, nó đóng kín mít lại liền, không cho con tinh có ngã mà thoát ra.

Trong buồng, thằng Năm đã bật lên một câu thần chú:

- Ân thiên la địa võng, án đông binh, tây định, nam, bắc, trung ương định!....

Đó là nó hét lên để thị oai, rồi dụ giọng. Mà chính cái lúc nó dụ giọng mới là lúc người ta ghê mình:

- Hiu hiu gió thổi lộng đàn tiên, ngày hôm nay sư tướng đến đây, trên thánh tổ quang minh chứng giám, bùa địa võng bốn phương vững chặt, bố thiên la ba cõi trùng trùng, các hồn nào quấy nhiễu mông lung, phá dương thế bắt về lập tức....

- Ở là hơi âm binh ơi!...

Tôi đứng ngoài nghe lạnh xương sống, mà dòm ông Phối sư cùng người nhà mặt mày ai nấy cũng tái xanh.

- Ở là hơi âm binh ơi!....

Ai có ở vào đêm thanh vắng, tin tưởng chỗ mình ở có con "tà" đang lộng, nghe đến đây mới biết cái "ghê mình" ra làm sao!

Cốt ý thằng Năm là bắt cho được con "tinh" nhốt vô hủ "tăn-xại" rồi dán bùa lại, tổng đi. Nó đã bảo trước với ông Phối sư:

- Để tôi bắt được rồi, ông coi, nó kêu rên trong hủ, xin tha thứ đủ điều!...

Đến đây tôi mới hiểu được tại sao trước ngày đó thằng Năm rủ tôi đi kiếm bắt con "ong bầu" gần ứ hơi.

Nhưng tiếng thằng Năm bỗng im bặt, thay vào tiếng giậm chân rầm rầm dưới đất và tiếng thổi phèo phèo.

Có lẽ là lúc anh ta trợn mắt phùng mang thị uy với con "tinh" đặng "xáp lá cà" với nó.

Tôi đứng ngoài hồi hộp lạ lùng.

Ông Phối sư chấp tay vái nhỏ nhỏ:

- Nhờ Đức Thầy, Trừ Phật chứng minh phò hộ cho con tôi thoát nạn.

Bỗng nhiên, trong buồng, con gái ông Phổi sư la lên bài hãi:

- Ái ái, thằng cha thầy chó này, sao mày dám ôm tao? Buông ra không?... Buông!...
Guốc nè!...

Rồi... bốp... bốp... tiếng guốc tiếp theo, và sau cùng là tiếng thằng Năm:

- Chết tôi rồi trời ơi!...

Tôi cùng ông Phổi sư tông cửa chạy vào. Cô gái đang đứng chống nạnh cạnh giường thở hào hển, còn thằng Năm thì ôm đầu ngồi dưới đất rên hì hì:

- Ui cha! Con "tinh" dữ quá!

o o o

Đêm sau, chúng tôi dọn đồ, len lén ra đi.

Thằng Năm xách chiếu đem trải trước mũi ghe, nằm buồn dầu dầu, thỉnh thoảng thò tay khoát nước, nhìn hai bên ven bờ rạch Ruộng, rạch Ráng, rạch Cui....

Cứ mỗi vòm kính thoáng qua là tôi thấy thoi oanh liệt của thằng Năm không còn, mà tôi cũng chưa biết làm nghề gì ăn đây nữa.

Tôi lắc đầu nhắc lại:

- Liệng hát ông Thầy Ba của mày cho rồi! Đã bảo coi chừng tổ trác mà mày cứ dễ người, bây giờ có phải co tay nhịn đói không?

- Mấy cứ bấy nhiêu đó nói mãi, hèn gì không làm nên được danh sự gì! Ván bài hể không chín thì bù, đánh "mẹ" nó một tụ, cho nó ra sao thì ra!

Ở đời không làm được Phật, thì làm ăn cướp chớ có gì mà lo mày!...

Đạo

Mấy con vạc ăn đêm đã bắt đầu bay đi kêu oang oác ngoài trời, và bầy muỗi đã vờ lên như ong, mà ông chủ thìn vẫn chưa thấy lại.

Ngóng mãi không được, Giáo Xệ nóng lòng mời khách:

- Thôi, quý ngài cứ việc dùng, ổng lại sau ngòi sau, hơi nào mà đợi nữa.

- Hay ổng quên? Phó xã Việt lên tiếng.

- Dễ quên không, tôi sai trẻ đến nhà mời hai ba lượt, ổng bảo về, rồi ổng lại kia mà!

- Ồng là người trưởng thượng, mình ăn trước có khi hỡn!

- Không hại! Tại ổng trẻ chớ có phải tại mình sớm đâu!

Thế rồi họ cầm ly.

Nhấp đầu được vài miếng, bỗngưng Đình Uýnh kêu lên:

- Kia ông Chủ lại kìa!... mà miệng còn nhai dở miếng chả giò to tướng.

Ông Chủ lại thật.

Tay cắp cây dù cán tre, tay xách bầu rượu với đôi guốc, ông xăm xúi đi vào.

Con chó vàng nhảy chồm lên chực sủa, nhưng rồi lui lại gầm gừ.

Giáo Xệ sợ mịch lòng, khúm núm:

- Bẩm Chủ, chúng tôi đợi mãi không thấy chủ lại, sợ Chủ có việc nhà, nên chúng tôi vô phép nhập tiệc trước.

- Ấy! hề hán gì đâu, hễ "tiền đáo tiền toạ, hậu đáo hậu toạ", thảo với nhau đủ rồi. Bị đợi thẳng nhỏ nhà đi lấy bầu rượu "đám đế" này đây nên mới trễ dữ vậy. Đây, các ông "nhám" thử mỗi người một ly coi, cái nước nhứt nó ngon kỳ ngon cục!

Ông rót một ly đầy rồi chễm chệ ngồi xuống ghé đầu bàn.

Giáo Xệ chạy lảng xãng, bưng ly rượu chát lễ phép:

- Mời Chủ tráng miệng bằng thứ này! Thỉnh thoảng lại giục: "Mời Chủ!".

Nhậm lễ xong, ông Chủ gật gù, miệng chấp chấp, tay vuốt máy cộng râu mép còn đọng vài giọt rượu lấp lánh dưới ánh sáng của ngọn đèn toạ đăng.

Đình Uýnh vừa nheo mắt vừa ngoạm thêm cái đùi gà xé phay; pháp sư Năm ngó chăm chăm chai rượu đế, lắng tai chờ ông Chủ nói chuyện.

Nhưng ông Chủ dường như quên khách vì ông đang bận "ngậm" cái cu-lẳng để nút cho hết nước cốt.

Bỗngưng ông dừng ngay lại, nhìn về cuối bàn:

- Úy chà! Bữa nay có thằng Phó xã nữa chớ. Thằng siêng quá, mầy ở trên Đồng Cộ hay giỗ hời nào mà xuống đây mậy?

Phó xã vui miệng:

- Bẩm Chủ, tôi theo màng-màng mở trôi trong rạch mà tìm tới!

- Vậy mà nãy giờ mầy nín khe; tao nghe tiếng đồn mầy nói chuyện "nghĩa lý" khá lắm mà! Lên đây Phó xã, lên đây ngồi chung với tao. Tục ngữ người ta nói: "Hễ rượu vào thì lời ra", nín khe đâu có được mậy! Tao rất ghét người nào ở theo sách, bắt chước nào là "tửu trung bất ngữ chơn quân tử, tài thượng phân minh đại trượng phu" gì đó!

Cái giọng ông Chủ đã "giàu" thêm lên bằng tiếng ngữ nghè và câu chữ được ông kéo

dài thậm thọt.

Phó xã viết khế nép kéo ghế lên ngồi:

- Bẩm Chủ, thiệt tình là tôi không dám, vì trong anh em đây, có chủ là người trên trước, tôi phải kính nhường. Bởi trong câu chuyện có tôi phải kính nhường. Bởi trong câu chuyện có nhiều nguồn chân lý, mà chân lý là lẽ phải, không tư vị ai được, tôi nói, e có điều gì không tốt. Vả, người ta thường bảo "trung ngôn nghịch nhĩ", mà tôi thì tôi vị chân lý chớ không vị quyền hành thế lực lớn nhỏ gì ráo, sợ trong khi biện bác, có điều gì xúc phạm đến Chủ chẳng, nên tôi xin "thủ khẩu như bình" mà nghe Chủ!

- Thằng Phó xã mầy làm rồi, mầy há chẳng biết hỏi tao còn "đương vị hành chánh" mà còn không bao giờ "ỷ chúng hiếp cô" hay sao? Huống chi ngày nay đã "cáo lão hồi gia" rồi, tao càng trọng lẽ phải hơn nữa. Mà hể vào đám tiệc rồi, ai cũng có tự do đàm luận, làm người quân tử không câu nệ gì ráo. Mầy không nghe "Quân tử bất oán thiên hề bất vụ nhân" à?

- Bẩm Chủ, hể "nhứt ngôn thuyết quá" thì "tứ mã nan truy", tuy nói vậy mặc dầu chớo tôi có điều áy ngại. Trong lúc đàm luận, Chủ là bề trên, tôi là bề dưới, tài học tôi kém cỏi không nói gì, sợ rồi khi lý lẽ tôi hơn thì khó coi quá!

- Quyền chức lớn nhỏ không kể, người ta chỉ kể tài đức. "Dũng bất quá thiên, cường bất quá lý", Phó xã mầy đừng lo, tao biết điều lắm....

Ông Chủ kết thúc mỗi câu bằng một "nhắm" rượu và một cái cười... gay gắt, nó tăng vẻ gay gắt của một cái mặt nhiều nét nhăn mà phút chốc đã... hồng hào!

- Vậy thôi cũng được, nể lòng Chủ cho phép tôi xin vâng lời. Vậy chủ hãy cạn ly rồi Chủ ra để tôi mới dám nói, chớ lạm xạm đã không ra gì, mà có khi mấy ông đây còn cho tôi... say là khác!

Pháp sư Năm nãy giờ ngồi nghe khoái chí, ực một hơi ba ly rượu đế, chấp chấp ngon lành rồi cảm rót thêm ly mình và ly khách.

Đình Uýnh cứ ngồi gắp mãi đĩa thịt rừng nhâm nhi, tự do như ở nhà mình.

Ông Chủ Thìn uống cạn ly, mỉm cười:

- Hay! Hay! Thằng Phó xã coi vậy mà ăn nói lưu loát quá. Thôi, đề đạt gì cho mắt công, chúng ta là nhân loại, lấy "đạo" làm đầu, thằng Phó xã mầy "ngôn ngữ như lưu" chất nghĩa thử chữ Đạo nghe chơi!

- Bẩm Chủ, bề nào tôi cũng là kẻ hậu sinh vậy xin nhường chủ giảng trước cho nghe, rồi tôi sẽ tùy theo mà phụ họa!

Uống cạn ly nữa, ông Chủ khề khà:

- Thôi... cũng được!... Về chữ Đạo thật là khó giải. Phần thì chữ nho mắt mờ, tùy theo sở học của người cao thấp, khó mà nói cho rành, phải không a... mậy Đình?

Đình Uýnh đang mê ăn, giật mình ngược mặt toan trả lời, thì ông Chủ đã tiếp:

- Nhưng vậy, có lần tao nghe sư Muôn giải nó như vậy: "âm dương hiệp nhất, tự mình tẩu", nghĩa là: chữ Đạo có hai chấm phết trên là âm dương, gạch ngang là hiệp nhất, dưới có chữ tự là tự mình, bên là chữ chỉ phải ngang sư Muôn do cái phết dài gọi rằng: "tẩu..." Tẩu của ông có nghĩa là tự mình chạy chọt tìm Đạo mới có Đạo! Tôi cho rằng giải chữ cũng có một cái điềm, chớ không, sao sư Muôn bây giờ phải tẩu ngược... tẩu xuôi... đúng không mậy Phó xã?

Nhưng tao thì khác, tao cho rằng "Âm dương hiệp nhất tại mục". Phết xuôi và chữ mục dưới, không phải tại mục là gì? Mình là con người, có cặp mắt, có tinh thần tỏ rõ để dòm ngó, để phân biệt chân lý, thế là biết Đạo rồi chớ gì...!

Cho rằng giải được như thế là cao kỳ, ông Chủ cười chúm chím, rót uống một hơi ba ly để thưởng... mình!

Bên kia đối diện, cũng không kém, các ông khách ngồi mê mang, cứ mỗi cái gạt đầu của Pháp sư Nấm là mỗi lần bầu rượu vơi đi một ít, và mỗi cái gắp của Đình Uýnh là liền theo một tiếng "trót" ngon lành.

Riêng ông Giáo Xệ chủ nhà, đã yếu rượu mà rán theo cho kịp mấy ông khách gần huyệt hơi.

Bỗng Phó xã Việt cười khè:

- Xin lỗi Chủ, sư Muôn giải chữ Đạo trật lất, còn Chủ chiết tự ra càng... sai nát hơn nữa!

Ông Chủ gạt mình, mặt đỏ gay gần như tái lại. Ông trợn mắt:

- Thằng Phó xã mầy nói sao? Tao giải trật à? Tao mà trật? Ừ, chữ nghĩa mầy già hơn, giảng thế nào cho trúng nghe thử!

- Bẩm Chủ, tự nhiên chê được là giải được. Chủ đừng quá nóng. Tôi đã nói "nghĩa lý không tư vị" kia mà! Đây, về chữ Đạo, thì tôi tự thích ra như vậy:

Hai chấm phết là âm dương, gạch ngang là hiệp nhất, dưới chữ tự, bên chữ chỉ phải, là "Tự mình chỉ đó"!

Tự mình thông tri âm dương, biết phân phải trái, biết lẽ chánh tà, mới phải Đạo hoàn toàn chớ! Ấy là tôi chỉ chiết tự sơ sơ như thế, chớ nếu phải giải cho rành thì phải chất nghĩa tại sao chữ Đạo có liên tiếp đến mười hai nét, mười hai hội của khí vận tuần hườn, từ "tý, cữu" chí ư "tuất hội"...

Phó xã Việt như hừng chí, hăng tiết cảm đầu nói, nói mãi quên dòm sau trước, chừng trực nhìn lại mấy ông khách và chủ nhà, anh ta trợn tròn, dứt ngay: Kể gục qua, người gục lại, riêng Đình Uýnh đã ngoẻo đầu ngáy khò khò...

Đêm đã về khuya. Người nhà đều ngủ mất, xa xa có tiếng chó sủa ở đầu làng.

Ông Chủ đang ngủa mình sau thành ghé ụ ra một tiếng rất lớn, rồi chúi nhủi xuống bàn cổ gượng:

- Đạo! hay... hay...! Bọt phe thằng Phó xã! Bọt phe thằng Phó xã!...

Quý Vương

Làng Thới Bình nép mình trong chòm dừa xanh rậm. Vài xóm nhà lá leo heo ở dọc theo bờ kinh nhỏ, yên tĩnh với tháng ngày.

Cứ mỗi buổi sáng là đàn ông, đàn bà lẫn cả con nít vác cuốc ra đồng, quanh năm làm bạn với mấy mẫu ruộng nhà, vài công rẫy khóm ¹.

Ở đầu kinh thông ra dòng sông Trẹm, một cái chợ nho nhỏ nổi lên. Hai bên, hai dãy phố ngói đứng sùm sụp chịu đựng với nắng mưa gần như xiêu vẹo.

Đấy là nơi chứa đựng một phần dân chúng trong buổi sáng, đấy là nơi người ta tìm những thức ăn, vật dùng.

Cứ độ hai ngày, con tàu Rạch Giá ghé ngang đem lại nhiều hàng hoá ở thị thành.

Mỗi lần tàu xúp lê đàng xa, là thiên hạ nhao nhao ra đón, chen lấn ồn ào. Rồi mỗi khi tàu đi, chợ tan, làng Thới Bình yên tĩnh lại.

Dòng sông Trẹm lững lờ trôi ngang và ban chiều, trong chòm dừa xanh ấy, mấy làn khói trắng bốc lên...

Người đàn bà xong việc bếp núc, ẵm con ra đợi chồng về, lâu lâu đuổi bầy gà đang bươi trên giồng rau cải.

Nhưng hôm nay, hai bên bờ kinh nhộn nhịp khác thường.

Trước mỗi nhà, người ta đứng quanh nhau bàn tán, mặt đầy vẻ lo âu: Quý vương!

Chỉ một tiếng ghê gớm ấy cũng đủ làm cho mọi người sợ hãi.

- Quý vương sẽ hiện lên và đi ngang con kinh này!

Bác tư Bốn chạy dài theo xóm dận:

- Coi chừng! Đừng cho con nít ra bờ kinh.

Người ta cổ dẫu nét lo trên mặt, cổ trắn tĩnh bảo nhau:

- Quý vương thì Quý vương, sợ gì?

Nhưng họ vẫn thì thầm: "Trời ơi! Rủi nó ghé lại làng mình...?"

Phút hồi hộp đã đến. Họ nín hẩn. Vì đàng xa, giữa con kinh, Quý vương đã đến trên chiếc ghe lườn không mui.

Quý vương gồm có năm "ông", ở trần trụi trụi.

Giữa trời nắng như đốt, họ bình tĩnh vui đùa như chẳng quan tâm đến thiên hạ đang lấp ló trên bờ. Chốc chốc, mấy "ông", lại thi nhau nhảy đùng xuống nước, rồi lại leo lên ghe.

Ban đầu người ta tưởng Quý vương phải là ghê gớm đến bực nào, nên họ nhút nhát

nhốt kính đàn bà, con nít trong nhà. Nhưng chỉ chốc lát, nỗi lo sợ tan mất, con nít chạy ùa được ra ngoài bờ sông, vỗ tay reo ầm ĩ. Có đứa dám đưa tay ngoắt:

- Ê! Quý Vương!

Bác tư Bốn tức giận hơn ai hết. Bác chạy đầu này đầu kia, chờ hào hển phân trần:

- Khốn nạn quá! Có thằng Chột con ông Bính và con Út con chú Phó Cao trong đám ấy nữa.

Rồi ông hăm:

- Phải có súng, tôi bắn đũa một phát cho lìa đời!

Quý Vương ghé lại chợ Thới Bình với những gương mặt đầy kiêu hãnh.

Chợ Thới Bình không còn vắng lặng như xưa.

Người ta lấy làm lạ sao thằng Chột con ông Bính lại đổi tên là Hoàng Hoa, lần lần thằng Phình cháu ông Phó Tám đổi là Tuấn Nghĩa, thằng Tích em Tuấn Danh là Vân Mộng, cho đến con Đẹt con gái chú Phòi cũng xưng là Thuý Liễu và con Út con ông Phó Cao là Kiều Nga.

Chúng thường đi cặp từng năm lữ ba thả rều quanh chợ bất cứ đêm ngày, và hề gặp nhau là cúi đầu rất sâu, chia tay ra siết chặt:

- Vân Mộng xin kính chào Kiều Nga!

Hay:

- Thuý Liễu này đa tạ huynh ông Tuấn Nghĩa!

Rồi họ cùng nhau bàn tán vang trời những tiếng Văn minh, Hủ Lậu, Nữ quyền, Giác Ngộ, v.v...

Cứ mỗi lần như thế, là người hai bên phở kêu nhau ra chỉ, trề môi, lắc đầu.

Bác tư Bốn càng giận thêm. mấy hôm rồi bác ăn không ngon, ngủ không yên. Mỗi khi nghe ai thuật những cái lố lằng của tụi ấy, bác trợn mắt lên, cung tay đập xuống bàn thình thình:

- Tức lắm! Tức lắm!

Bác hội một vài bực tai mắt trong làng lại, tìm cách bài trừ:

- Tôi nhất định không để bọn nó làm lộng trong chợ Thới Bình!

Sáu Mạnh, người lối xóm bảo:

- Tôi thường thấy chúng nó tụ hội ngoài đầu cầu để uống rượu và hát xướng!

Một người khác:

- Úy mẹ ơi! Con gái đâu mà làm chuyện nhục nhã như thế được! Tôi thấy con Út cặp tay chúng đi nghêu nghêu và có rử tụi nói đi về nhà nữa!

Tội nghiệp chú Phó Cao vô phước, mắc ở trong rẫy, đâu có hay con gái chú tác tộ như vậy!

Bác tư Bốn quyết định:

- Tôi phải lộn vô rẫy kêu chú Phó Cao về, lờn khi lữ nó nhóm họp tại nhà chú, tôi giúp sức với chú hạ lữ nó cho kỳ được mới nghe!...

o o o

Thế rồi một buổi chiều. Làng Thới Bình chìm đắm trong bóng hoàng hôn. Dòng sông Trẹm chỉ còn vắng vắng tiếng hò của một vài khách thương hồ.

Trên bờ kinh, ba bóng người đang rảo bước về phía nhà chú Phó Cao.

Chú Phó Cao - Vì chính chú - nghiêng răng tức tối:

- Tôi không hiểu con Út làm gì mà quen với bọn nó?

Bác Tư Bốn châm dầu:

- Làng Thới Bình mang tiếng là khởi mằm làm tòi phong bại tục đi rồi! Trời ơi, mỗi lần tôi thấy con Đẹt hay con Út nó bắt tay thằng đầu đảng Minh Tâm hay Minh Tánh gì đó, tôi gần như sôi gan lên!

Sáu Mạnh thêm:

- Mà cũng độc, con trai, con gái làng này tưởng như thế là "văn minh" nên mê như chết!

Một người một câu cũng đủ làm chú Phó Cao cháy ruột:

Tôi ghé nhà Thủ bồn Tịnh mượn ba cây chổi chà, hai ông giùm phụ lực với tôi quét sạch chòm ong lữ kiến này đi.

Trời đã tối mờ.

Con chó vàng nằm trước sân nhà chú Phó Cao chực sủa, nhưng chú đã chất lưới nhè nhẹ, vỗ đầu nó, vuốt ve nó cho nó không lên tiếng rồi kéo sáu Mạnh, tư Bốn vào hàng ba.

Chú rón rén lại dòm kệt cửa.

Con gái chú đang ngồi chung với ba bốn đứa con trai, lạ có, quen có, mạnh dạn bung ly rượu hô hào:

- Mời các đại huynh hãy uống hết ly rượu này, để chứng kiến lời tuyên thệ của tôi. Tôi hứa sẽ làm sao đánh thức các hàng nữ lưu ở làng này rình dậy, để được tiến theo kịp làn sóng văn minh các đại huynh nghĩ như thế nào?

Một thằng con trai lạ, ngồi đầu bàn đứng dậy:

- Vạn tuế bạn Kiều Nga! Bạn nói rất đúng. Phải xua đuổi cái hủ lậu đi, phải đưa trình độ chúng lên cao. Phải cởi dây xích của gia đình đang trói chặt họ, phải vứt đi không chút gì mền tiếc!

Một tràng pháo tay nổi lên.

Máu giận chú Phó Cao tràn lên óc, không còn sức lực đứng nghe nữa, chú tông cửa kéo tư Bốn, sau Mạnh xông vào, quơ chổi vừa đập bừa vừa hét:

- Đây! Văn minh đây! Hủ lậu đây!....

Thấy mặt chú Phó Cao, tất cả hoảng hốt, chưa kịp đứng dậy, đã bị một trận đòn chổi như bão táp.

Chúng xông xáo, té lăn ra, bòn càn, mạnh ai nấy kiếm đường tẩu thoát.

Bác tư Bốn quơ chổi lia lịa, la rầm lên:

- Bớ làng xóm, bớ người ta, tiếp bắt Quỷ vương!

Bao nhiêu chó trong làng hè nhau ra sủa làm huyền não một góc trời.

Đàng xa, tiếng mõ nổi lên vang lừng... Những ngọn đuốc sáng loà trong đêm tối, như sao băng, chạy dồn về tiếng kêu cứu.

Minh Tâm thoát được ra ngoài, hồn phi phách tán, lăn xả theo Vân Mộng kêu khe khẽ:

- Vân huynh, Vân huynh! Đợi đệ theo với!...

Làng Thới Bình từ hôm ấy yên tĩnh lại trong chòm dứa. Những làn khói trắng trong mây mái nhà lá nhẹ nhàng bốc lên buổi ban chiều.

Dòng sông Trẹm lững lờ trôi vắng lặng.

[1](#) Một loại thơm (dứa).

Tiếng hò trong đêm vắng

Thầy ơi thầy, dậy mà nghe con nhỏ nó hò!

Tôi giật mình giụi mắt hỏi anh chèo: "Tối đâu rồi anh?"

- Dạ, vừa qua khỏi vàm Rạch Bần!

Tôi chồm ra ngoài nhìn cảnh vắng. Bên vàm, hàng dừa nước âm u lâu lâu thấy le lói một ánh đèn; bên bờ kia thỉnh thoảng nghe tiếng chày giã gạo, tiếng chó sủa đêm.

Đêm nay chỉ có vành trăng hai mươi, nhưng sao đầy trời góp ánh sáng lại làm cho cảnh vật thêm ảo huyền thơ mộng.

Một làn gió nhẹ thoảng qua, tâm thần tôi thêm khoái sảng.

Vắng xa, những giọng phù trầm êm ả của một điệu hò mê ly, đặc biệt chốn đồng quê, rõ lẫn trong lặng lẽ.

- Anh chèo ơi, lời mái đợi họ lại gần, đi cho có bạn và nghe hò chơi anh!

- Xin lỗi thầy, nghe giọng hò của "con nhỏ" tôi đã rụng rời, lời mái tự nãy giờ. Thế nào tôi cũng lên tiếng.

- Anh cũng biết hò nữa sao?

- Điệu nghệ mà thầy! Nói gì gặp phải tri âm, thức hò mấy đêm cũng không biết mệt.

- Ủ! Hò đối đáp nghe chơi, mà anh phải rán làm sao chớ để thua con gái, nhục lắm!

- Dễ không, để tôi bắt trớn cho thầy coi mà! Kìa, nó đã lại gần, tôi phải giáo đầu "nhập đề" mới được.

Hò hớ ờ ơ...

Bạc vớ vàng còn đen còn đỏ,

Đôi đũa mình còn nhỏ thương nhiều,

Vừa nghe tiếng em là anh muốn như anh Kim

Trọng thương chịu Thúy Kiều thưở xưa... ơ...

Hò xong, anh ta đắc chí:

- Đó thầy coi, thế nào rồi nói cũng trả lời, "điệu nghệ gặp nhau, là mày tao quán quít"!

Giọng phù trầm ngừng đi một chặp. Chúng tôi yên lặng chờ. Quả nhiên không sai lời anh chèo nói: "điệu nghệ gặp nhau, là mày tao quán quít", tiếng hò lại nổi lên:

Hò hơ... ớ người không quen ơi,

Nghe anh, em cũng muốn thương nhiều,

Nhưng hoa đà có chủ, khó chiều dạ anh.

Anh chèo xoa tay trả lời tức khắc:

- Hò hơ... chim kia còn thỏ thẻ trên cành,

Nghe em nói vậy, dạ không đành rẽ phân....

Giọng trầm cũng không chịu nhịn:

- Hò hơ... Bình bồng ở giữa giang tân,

Bên tình, bên nghĩa, biết thân bên nào?...

Anh chèo rối rít:

- Đó thầy coi, ngon chưa? Trời ơi, cái giọng đáng yêu làm sao!....

- Hò hơ, ớ em ơi...

Nhút lê, nhì lựu, tam đào,

Bên tình bên nghĩa bên nào cũng đồng thân.

Rồi anh lắng tai chờ.

- Hò hơ, mới mà chơi vậy chớ: Gió thổi hiu hiu, lục bình trôi riu ríu. Anh đừng bận bịu, bớ điệu chung tình, con nọ bay cao khó bắt, con cá ở ao quỳnh cũng khó câu...

Anh chèo đã thấy đố mò hôi, nuốt nước miếng anh bảo với tôi.

- Không được, tôi chưa hề gặp con nhò nào hò "chiến" như con nhò này, nó làm bộ có chồng để thử mình, rồi bây giờ lại làm cao, nếu ở hò cù cưa, thế nào cũng bị nó "hạ". Vậy tôi phải trở hết nghề đem điệu hò dài ra "tấn công" cho nó hết "ứ nhựa" hoạ may nó mới "xếp giáp quy hàng".

- Hò hơ... Ở này em ơi, em hãy nghe cho kỹ: xưa nay gái không cưới chồng, trai không ở goá, đoái thấy nàng xinh đã quá xinh. Buông lời vừa võ vể non, nếu như nàng lo việc cháu con, sao không kiếm chốn trao thân gởi thế?

Trên đời bá công bá nghệ, dưới lại là tứ thú tứ dân. Làm người sao khỏi chữ lương nhân, mà nàng chịu để phòng không ở goá? Sách có chữ rằng phụ nhân nan hoá, ít kẻ yêu vì. Nên lấy chồng phải luận phải suy, phải xem trong lòng đục, đây đã đến phải thời phải lúc... Hò hơ... hay nàng còn cù cù cù lao... Để anh ngờ ngẩn ra vào, thăm yêu trộm nhó dạ nào bỏ anh?...

- Đó thầy coi, thế nào nó cũng chết ngất, điệu hò dài phải đối dài, ngắn đối ngắn, nó mà đáp được kỳ này, thì tôi cũng cam giải nghệ cho rồi....

Tôi giục: "Kìa nín, nó đã đáp liền kia!"

- Hò hơ, ở này anh nó ơi, số phận em giao phó cho trời xanh, lấy anh, em không lấy nhưng cũng không đành làm ngơ. Hò hơ... vốn em cũng chẳng bơ thờ, em đã hàng chọn trong lóng đục, nhưng vẫn còn ngờ nợ duyên. Hò hơ... vốn em cũng muốn lấy ông thầy thuốc cho giàu sang, nhưng lại sợ ông hay gia hay giảm; em muốn lấy ông thầy pháp cho đảm, nhưng lại sợ ông hét la ghê gớm; em muốn lấy chú thợ mộc, nhưng lại sợ chú hay đục khoét rầy rà; em muốn lấy anh thợ cưa cho thật thà, nhưng lại sợ trên tàn dưới mặt; em muốn lấy người hạ bạc, nhưng lại sợ mang lưới mang chài; em muốn lấy anh cuốc đất trồng khoai, nhưng lại sợ ảnh hay đào hay bới; em cũng muốn chọn anh thờ rền kết ngời, nhưng lại sợ ảnh hay nói tức nói êm; ảnh hay cà riềng cà tỏi; em muốn lấy ông nhạc công cho giỏi, nhưng lại sợ giọng quyến giọng kèn; em muốn lấy thằng chần trâu cho hèn, nhưng lại sợ nhiều điều thá ví; em muốn lấy anh lái buôn thiêng thị, nhưng lại sợ ảnh kêu rêu mắt rẻ khó lòng; em muốn lấy anh thợ đóng thùng, nhưng lại sợ ảnh kêu trật niền trật ngồng; em muốn lấy ông Hương ông Tổng, nhưng lại sợ việc trống ¹ việc gông; em muốn lấy anh gánh tay không, nhưng lại sợ treo đầu quấy; em muốn lấy chú hàng heo khi nãy, nhưng lại sợ chú làm lộn ruột lộn gan; em muốn lấy anh thợ đất thợ đan, nhưng lại sợ ảnh hay bắt phải bắt lỗi; em muốn lấy anh hát bè hát bội, nhưng lại sợ giọng rỗi giọng tuồng; em muốn lấy anh thợ đóng xuống, nhưng lại sợ ảnh hay đần hay thúc... Hò hơ, mấy lời trong đục chẳng dám nói ra. Có thầy giáo tập trong làng xa, hay dạy răn, so đức hạnh ai bằng, lại con nhà nho học, sử kinh thầy thường đọc, biết việc thánh hiền. Hò hơ, gặp nhau em kết nghĩa liền, không chờ chẳng đợi cho phải nguyên phụng loan... ²

Tuy anh chèo cứng họng, như tôi ngồi trong mũi đã thấy khoái trá vô cùng.

Còn gì sung sướng cho bằng khi mình nghe "người ta" vô tình nhắc nhở tới mình, ca tụng mình trên dòng sông lờ lững?...

- Chắc anh "phọt phe" rồi phải không anh dò?

Anh ta đáp xuôi xị:

- Ý mèn ơi, tôi mới thấy con nhỏ hò lanh hết chỗ!...

- Này anh, tôi nói thiệt cho anh nghe. Sao tôi nghe giọng hò của con nhỏ ấy tôi "mê" lắm. Anh biết tôi làm thầy giáo chớ. Nghe nói nó đang tìm kiếm kết duyên với chúng tôi, tôi cảm động quá anh à. Anh làm thế nào cho tôi thấy mắt "nó" một chút, "một chút xíu" thôi, rồi mình đi... được không?

- Có khó gì thầy, tôi kêu nó cặp ghe lại hỏi mỗi lứa, thầy muốn nhìn bao lâu lại không được!

Rồi anh lập tức lên tiếng:

- Chị hò ơi... chị hò! Làm ơn cặp ghe cho mỗi nhòe chút lứa, chị hò!...

Thấy bóng ghe chèo tới là tôi phấn khởi trong lòng, bò ra ngoài dòm lom lom.

- Ghe cặp chiếc đò, tôi càng thêm hồi hộp. Ôi! Tiếng hò như thế, còn người làm sao!...

Tôi hình dung một cô thôn nữ mày liễu má đào, có vóc mình thon thon, có bộ tịch khả ái...

Bỗng anh chèo đang ngồi nghỉ tay, giật mình đứng phắt dậy. Trong chớp nhoáng, anh bị một tên lực lưỡng thộp ngực anh, đưa ngọn dao ngang cần cổ:

- Nín mắt, la lên thì cụt đầu! Tao không động tới mày đâu!

Còn tôi... chao ôi, tôi cũng kinh hồn lạc phách, rủi may phó mặc cho trời... Tôi chưa kịp nhảy xuống sông thì đã bị hai tên khác đè cứng dưới ván đò. Tôi giụa la nhưng một thằng trong bọn "án" cho tôi một cùi chỏ vào hông, đau lòng ngực lồng gan, nằm trợn trắng như chết nửa người.

Đã thế, tiếng con nhỏ hò còn trêu gan trong mũi nhỏ:

- Chú Bảy coi có con đàn bà nào ở trong mũi, đề cổ lột cho tôi sợi dây chuyền!...

1 Trống: cái trống: gông đóng, trống mang.

2 Mấy câu hò trong bài này tôi chép hời hợt trong mũi ghe theo giọng hò đối đáp, có thể sai đi ít nhiều. Nhưng tôi không sửa được vì không có nguyên văn, xin nhờ bạn đọc nào biết rành bổ chánh giùm cho.

Chợ hay quê?

Miếu bà Chúa Xứ tự nhiên biến thành một hí trường.

Nhưng có mấy ai để ý đến đâu.

Người ta nói dân thị thành hay lạnh lùng mà đúng lắm vậy.

Cà mau ngày nay không còn là Cà Mau ba chục năm trước. Ba chục năm trước, trời vừa đổi sắc tím là "Ông thầy" ¹, bách bộ khoan thai ở bên kia sông Quan Lộ.

Cái thời "dã man" ấy chỉ còn vang trong mấy câu chuyện ly kỳ mà các bà mẹ thường kể lại cho những cậu... con nghịch ngợm hay đi bắt chim, hót cá thia thia trên xóm miếu Bà:

- Gần miếu Bà đó biết không? Bên cây da mà tụi bây thường tới phá, hồi đó ông Thầy có lần móc họng mấy người đi câu.

Miếu Bà ở bên kia sông Quan Lộ. Mà bên kia sông Quan Lộ nay là xóm... Bến xe đò.

Hơn trăm nóc nhà, đèn điện, máy nước, quán cháo Tiều, một nhà bán hòm, và... cái miếu ở chính giữa.

Hàng năm, các ông cụ có tiền mượn hát bội cho Bà xem. Cho Bà xem, nghĩa là cho cả xóm xem.

Ông chủ nhà bán hòm là hội trưởng hội Miếu Bà. Ông là người kinh doanh. Ông biết nghĩ đến cái lợi cho làng nước. Ông nghĩ rằng xóm càng ngày càng đông sống yên ổn cũng nhờ Bà phù hộ. Mà càng đông cần phải có những cuộc vui, phải sống như người ta sống nơi đông đảo.

Muốn ăn uống? - Có quán cà phê!

Muốn cúng kiếng? - Có miếu Bà!

Không muốn sống nữa? - Ông là chủ bán hòm Nhưng sống vui vẻ, không phải chỉ ăn mà thôi. Cần phải có những cuộc vui khác: Hí trường là một sự tối cần; chứng cứ, mỗi lần hát cho Bà xem, người hàng xóm đều đến xem ngấp miếu!

Ông bắt đầu tề tiền cất một cái rạp lớn để chứa cho được nhiều khán giả!

Thằng Tám Méo vắc mượn cũng hỉ hủ góp hai cắc:

- Rồi mình tha hồ đến coi hát có lỗi là gì đâu?

Mỗi năm, mỗi mượn gánh hát. Máy thằng cha Bàu Kẹo ở Rạch Bàu, Bàu Ngo ở Cái Keo, Bàu Ba ở Ông Muốn... hè nhau lên giá kèo nài nhiều...

Cái gì mà một đêm hát tới hai chục, bộ muốn cất hòng người ta sao chứ? Ông chủ bán hòm tức giận. Ông họp các hội viên lại bàn rằng:

- Bây giờ tôi định làm như vậy để cho tụi Bàu Kẹo... nó hết hạch sách. Tôi xuất vốn mượn đào kép, mua đồ... nghĩa là lập một gánh hát riêng, để đi hát các nơi, chừng ngào tới kỳ vía Bà, tôi cúng mấy đêm... các ông nghĩ sao?

- Thì còn nghĩ sao nữa? Ông hội trưởng là người kinh doanh. Lập một gánh hát bộ là chuyện... tiền bạc! Mà tiền bạc! Nhờ trời nhờ Diêm chúa - Ông có khá khá đôi chút!...

Miếu Bà tự nhiên lại biến thành một hí trường. bởi ông chủ hòm nghĩ rằng - đúng hơn ông nghĩ rằng "hát bộ làm tội người ta" - để tụi nó đi chơi bời, đi thoả, bài bạc hư thân. Mình muốn ích nước lợi dân, đi hát đâu chi cho xa, mỗi đêm ở đây mỗi hát, vừa... cho Bà xem, vừa cầm chân đám dân "thân yêu". Tốn bao nhiêu? Một cắc bạc?

- Các ông có bằng lòng cho tôi làm như vậy không?

"Các ông" đây là các hội viên. Các ông thấy cái ý ấy "tự nhiên" quá, mà cái dân thành thị kia cũng không ai để ý đến.

Năm nay hát xong ba đêm cúng Bà, người ta thấy một tấm bảng giấy đỏ dựng trước miếu:

Đêm nay chúng tôi viễn tuần: "Quê dun đạo: Tuần thật là ly kỳ. Đô cửa: một cắc bạc!

Rồi tới đến, người ta đem theo cắc bạc bỏ vào cái thùng của cô Tám, con ông Hội trưởng và vô để xem một đệ nhất anh - hùng của thời Tam Quốc.

Đêm sau, rồi đêm sau...

Thói quan, thằng Tám Méo cũng quen. Cả xóm đều quen... Cả Cà Mau quen luôn! Hát bóng nói ở các tỉnh lớn để đã được hoan nghinh hơn!

Một tháng, hát không nghỉ đêm nào. Nhưng mãi rồi tuồng nó cũng hết: Huê - Dung -

đạo, Ông thất thủ Hạ - Bì, Trâm Trịnh Ân, Dự Nhượcng đả long bào, Bao Công xử án Quách Hoè, Phụng Nghi Đình, v.v... rồi cũng không ai cấm: Huê dung đạo, Bao Công xử án Quách Hoè, Phụng Nghi Đình, v.v... trở lại đâu! Và anh kếp Tám Bí làm Ông hay làm sao, còn cô đào tư Bé làm Điêu Thuyền mới mê mẩn khách mày râu đi coi lần thứ mười đã thấy chán chưa mà!

Nhưng ông Bầu Hai - Ông chủ bán hòm - là người kinh doanh. Năm một ngàn chín trăm ba mươi ba... Một hôm, cái bảng giấy liễn đỏ, đầy đặc những chữ to to bắt chập chánh tả:

Bổn ban mới tiền được nhiều cô đào khát. Ngoài cô Tư Bé, Xấu Liệu, Ba Kiêm, còn tất cả 9 đầu. Luôn tiên, xửa rạp lại, chia hạn: Thượn hạn: 5 cắt, hạn nhứt: 3 cắt, hạn nhì: 2 cắt, hạn ba: 1 cắt... Và mỗi chiều thứ bảy có đêm đặt biệt cho quý Ông, quý Thầy, có chun bươm bướm. bổn ban đã chĩn đốn theo cái lượn. Bỏ qua rất uồn...

Nếu đã có "quí thầy" chiếu cố, thời "chĩn đốn" theo Cải lương là phải.

Trống châu không hồi ba nữa. Chiều chiều, mấy đứa nhỏ con hàng xóm giành nhau cái trống còn một mặt, và hè nhau nện "tành tạch, thành tạch".

Ban nhạc mới mời được tay đờn kìm sành Vọng cổ.

Cây kèn đại vốn chát chúa đã biết đưa hơi bằng giọng rề rề run run của anh Thôi Tử trong câu nhập Vọng cổ: "Giã bạn lên đàng...". Tiếng kèn đại mà nhồi chữ "đàng" thì phải biết, nó lâm ly đặc biệt!

Dầu sao, người ta không còn thấy những ông tướng thổi kèn đưa cái lượn trụi trụi, ngồi trên sân khấu nữa. "Đúng tám giờ rưỡi", - ấy là cái bảng giấy đỏ nó quả quyết như vậy, - thay vì ba hồi trống cơm ra tuồng, có tiếng chuông rung... lạch cạch, leng keng... y như Cải lương.

Một thằng quân mặc áo thêu rồng cũ, lưng thụng, đội mào xanh, ra chào "quí khán quan đã hạ cố đến giúp bổn ban"... và cứ "tái bản" câu ấy đến mười lượt trong vài lời cảm tạ.

Quý khán quan? cứ đến một buổi chiều thứ bảy đến xem đêm hát đặc biệt có chun bươm bướm, người ta đều thấy có nhiều quan ký lục, một quan thầy thuốc, một quan phán, và một quan... "giương mù", chồng của cô mù tỉnh thành!

Nói là chiều thứ bảy mới có đêm hát đặc biệt nhưng mấy quan - hình như họ có hẹn hò với nhau - Cứ đến chín, mười giờ mỗi đêm là đã ngồi quanh cái bàn con đặc giữa rạp, sát sân khấu, nhâm nhi mấy ly rượu bia.

Mấy quan hình như cũng thưởng thức tài nghệ của "chín đào", và đã để ý đến cô đào chánh tư Bé, một ngôi sao sáng của Bầu hai, nên mỗi lần tư Bé ra tuồng, mấy quan vỗ tay rầm lên, mà lại còn móc bóp liệng mấy "con công" lên để thưởng lúc tư Bé hay đặc biệt nữa là khác.

Mỗi lúc như vậy, cô tư Bé không quên nghiêng mình, mỉm cười như hoa nở, đưa cặp mắt tình tứ xuống mấy quan rồi uồn éo tung hô:

- Bá, bá phúc!

Nhưng, ngoài mấy quan ra, có những quan đẳng cấp thấp hơn, vì người ta vẫn nhớ rằng rạp hát ở giữa xóm xe đò!

Các ông tướng xe đò cũng không kém, cũng thường thức tài nghệ đào kép, cũng có lúc vỗ tay, lúc la rầm lên:

- "Ra quô" cô tư Bé!...

o o o

Một buổi thứ bảy. Tuồng Phụng nghi đình. (Quái lạ! sao cứ luôn luôn ở vở tuồng này!) Cô tư Bé mà đóng vai Điêu Thuyền, thì không phải nhắc thêm lần thứ hai nữa, nó mùi mẫn đến thế nào ấy!

Nhưng người ta đồn rằng tư Bé đã được một quan "chiếu cố" đến hơn nhiều một chút, và đã sắp sanh một... quan con!

Bởi thế nên đêm ấy, một cô đào khác đóng vai Điêu Thuyền. Nhưng, khốn nỗi cô đào thế vai ấy không được hân hạnh có cái nhan sắc chim sa cá lặn.

Các quan hình như là không bằng lòng cho lắm.

Các ông tướng xe hơi cũng thấy ngay tắp rangle cô Điêu Thuyền mà "đẹp" như vậy, thì thẳng cha Lữ Bố nếu có say mê, chắc là tại nó ... buồn ngủ quá rồi!

Nghĩ như vậy, một ông "tướng" tưởng nên nói cái ý nghĩ thành thật của mình ra cho mọi người cùng biết.

Lúc Điêu Thuyền vuốt ve Lữ Bố, ông tướng xe hơi cười to lên, phùng mang thổi một cái hoét, rồi la:

- Ê! Cái mặt Chung Vô Diệm!

Cô Điêu Thuyền có lẽ thấy rằng ông tướng dốt truyện Tàu quá lẽ, dám lộn Điêu Thuyền với Chung Vô Diệm, nên cô cũng không ngần ngại gì, ngưng hát một chút, quay mặt ra khán giả, nói ngay ý tưởng mình bằng một câu trả lời:

- Xin lỗi quý ông, quý bà, khốn nạn cái anh nào nói tôi là Chung Vô Diệm!

1 Cọp.

Các trò ời, Thầy phen này thọ từ

Bạn hãy cùng tôi "du lịch" một vòng xuống các miệt "hóc Bà Tót", "chó ăn đá, gà ăn muối", để tìm những cái lạ lùng, lạ lùng cả đến cái tên: Bãi Háp, tấc Ông Do, mương Chệc Kịch, Tham Trơi, U Minh, Dớn, v.v....

Ở đồng quê, thế mà lắm chuyện.

Nhưng hãy khoan, ta tạm dừng chơn nơi xóm Kiến Vàng để biết thêm chút nhơn tình

thế thái.

Thuộc làng Tân Hưng Đông, ấp Kiến Vàng chia ra làm hai xóm. Thiên hạ hai bên thù nhau từ đời nào không biết mà hồi ấy họ ghìm nhau như địch thủ.

Và không khác hai nước đương chiến, họ tìm mọi cách để ngầm giết nhau. Họ nuôi râu cộp, tìm đủ thứ thuốc độc bỏ trong nước, trong món ăn, thuốc nhau chết như rạ. Thành ra, ở đó không ai dám tin ai, nhà nào nhà nấy giữ gìn từ lu nước món ăn, tiệc tùng đâu mời cũng không dám tới.

Một ngày ở đó là một ngày phập phồng.

Tuy nhiên, trong các nghề kiếm ăn, nghề "dạy học" vẫn giữ một địa vị quan trọng ở đồng, đâu đâu cũng không dám coi thường. Thế nên, là "thầy giáo" thì ở đâu cũng dám tới.

o o o

Con nít ở Kiến Vàng là con nít đủ tài thao lược.

Trên bộ, chúng ruồng tất cả rừng rậm chông gai, bắt rắn như bắt ếch, bắt chim như bắt gà, thôi thì đạo binh của rừng bụi đều kinh hồn mất vía.

Buồn? Chúng có thể lòi đầu mấy con rắn hổ ngựa từ trên cây xuống... đá như đá ba lông, chúng có thể nắm chóp hết những con kỳ nhông rắn mối ra "rô ti..." nhậu rượu!

Dưới nước, tốp khác không kém, chúng là một đoàn thủy quân bơi lội "dàng trời ban". Liệng chúng xuống bưng bình sâu hoắm tối ngày chúng không uống một chút nước, không biết lạnh, mà lại còn mò lên một mớ tôm cá mới tào! Chúng lại thường theo cha chú ra vàm sông Mang Giổ ban đêm soi sấu, vớt những con sấu con đem về cho... cắn lộn.

Khi chán chê rồi, chúng vẫy tay một cái là vật đầu đem nướng!

Khốn nạn, tôi lại lọt đến cái xóm ghê hồn ấy! Đã bảo thầy giáo ở đâu cũng dám tới mà! Điều nên biết là trước tôi, đã có không biết bao nhiêu thầy vì chịu không nổi lũ con nít "trời đánh" ấy phải xuống góỉ bỏ trường mà trốn đi.

Nhưng rồi thằng "thiên lòi chạy mặt" như tôi cũng cai quản được cả đoàn.

Dầu vậy, trước khi làm Tổng tư lệnh cả hai bộ thủy và lục quân ấy, tôi bị thử phép gần trầy vì tróc vảy.

Này, lục quân: Hạ thủ một con rắn hổ? Chúng làm bộ như sợ sệt, viện đến tay thầy. Thì "rụp" một cái, thầy vỗ cửa hang "bòm bòm", miệng làm bộ lâm thâm câu thần chú "Ăn đờ ra họng rị..." rồi chĩa đầu con rắn đem lên!

Bắt con chim "bánh ích". Thầy là một tay bắn giàn thung thiện xạ!

Chúng quyết bắt Thầy ra đồng trọn ngày chúa nhật để bỏ đói? Thầy vui lòng móc củ bòn bòn, hoặc bẻ trái dứa nước ăn cho no và còn mở tiệc khao quân là khác nữa!

Này, thủy quân: Chúng rử thầy chèo ghe ra cửa biển chơi mỗi chúa nhật? Xa bao nhiêu thầy cũng vui lòng cầm chèo lái. Vác lưới đi đánh cá cháo, lặn cá dầy? Thầy phóng xuống bùng binh trước nhứt.

Tắm, chúng muốn trần nước Thầy? Thầy là một con rái, hiên ngang hoạt động dưới nước như trên bờ!

Thế rồi, trong vòng một tháng, tôi nắm chắc chức Tổng tư lệnh trong tay, các... tiểu anh hùng đều bái phục.

Thôi thì mặc ai làm gì thì làm, tôi nằm tréo ngoáy ở nhà, muốn cá có cá, muốn chim có chim, hô lên một tiếng là có đồ đệ đến hầu.

o o o

Một hôm, có anh thợ săn trong ấp bắt được một con "heo cán" (heo rừng có chữa). Anh mổ bụng lấy bọc con ra đem tiêm thuốc bắc. Đây là món ăn quý nhất mà tôi đã thêm thưởng từ lâu.

Anh cho mời... thầy giáo!

Lần thứ nhứt, tôi đi dự tiệc nhà người. Bữa ấy tôi ăn hết nửa con heo con đỏ ói trong bọc, và nhậu trên một cốc rượu rừng, pha mật ong.

Về nhà bỗng dưng tôi thấy tối tăm mày mặt, ruột thắt gan bào.

Thôi chết rồi, chắc chắn là tôi bị trúng thuốc độc!

Mỗi lần tưởng tượng đến cả ngũ tạng lục phủ tôi sẽ liệt bại rồi chết lần mòn, tôi mê sảng nằm kêu rên không ngớt miệng.

Học trò lũ lượt đến đứng quanh giường.

Tôi nhìn qua một lượt, nắm tay từ đũa, ứa nước mắt trời dài:

- Các trò ơi! Thầy phen này thọ tử!

Anh thợ săn nghe tin cũng khiếp vía, chạy rước được một vị danh y về khám bệnh.

Sau khi nghe tôi thuật chuyện, ông thầy chăm chú xem mạch xong, vuốt râu cười khì:

- Tôi nói thầy đừng giận. Hôm trước, trong mình thầy hơi yếu, thầy lại ham... ăn "heo cán" quá nhiều. Vốn là một thức ăn hết sức mát, tì vị thầy không chịu được, nó hàn, và sẵn thầy uống rượu rừng không quen, hai thứ đó nó "vật" thầy "sập" chớ ở đây ai "thuốc" thầy làm chi!

Sanh nghề tử nghiệp

Bước bình bông đưa tôi đến một nơi sẵn đã quê mùa ở tận cùng mũi đất của bán đảo Đông Dương: Năm Căn!

Dân Sài Gòn hay hầu hết dân "miệt trên" khi nghe đến tên, ắt hẳn trong đầu đều có ý tưởng cao cả về trình độ của mình trên bước tân tiến... và tự nhiên thấy có cái thú chế giễu những cách ăn ở quê mùa bằng mấy tiếng: Dân Năm Căn phải không?... Ở Năm Căn phải không...

Nhưng bạn ơi! Năm Căn bây giờ không còn là quê mùa nữa. Ngoài những xóm lò than rộng lớn, thiên hạ đông đúc, cờ bạc, sa ngã, còn lắm cái lạ lùng, lạ lùng đến chuyện tôi kể cho bạn nghe về "Mét Văn Quang" (Maitre Văn Quang).

Ghê chưa? Chỉ vồn vện tiếng "Mét Văn Quang" bạn cũng đủ thấy Năm Căn ngày nay đã khác lắm rồi.

Nhắc đến "Mét Văn Quang", tôi phải nhớ ngay đến các bác họ "Mét", và cũng không thể quên được những mánh khoé bíp đời của hạng người mang khiêng trắng có đủ thứ hình "tay nâng càm", "tay chống nạnh" đăng trên các báo.

Hạng người ấy tự xưng là "Mét" hoặc "Giáo sư". Nhưng nói cho phải, mấy ông "Giáo sư" trên đây đáng liệt vào bậc "sư bác" trong làng bói, vì họ sống nhiều khi, sang như ông Hoàng: nay ở "ô ten", mai ở phố lâu.

Họ còn một đàn em sống vất vả lắm, một đàn em không tên tuổi, không "mét", không "bờ rồ phét xơ"... mà lại là những cánh bèo thả trôi theo dòng, từ kinh thành mờ đến làng mạc hẻo lánh, từ góc chợ đến những... hang cùng ngõ hẻm.

Họ cũng thường "tấp" vô ô ten, nhưng một thử ô ten rẻ tiền: chón "yên hà cuộc tỉnh say"!

"Mét Văn Quang" của tôi không phải là bực đàn em ấy, mặc dầu "Mét" lập "đại bản dinh" ở tận chón hang cùng: Năm Căn.

"Mét" quả là một "thiên tài"!

Cái câu quảng cáo dán trước bàn: "Một thiên tài đã từng được Tây, Nam khen tặng" chắc hẳn là câu nói không ngoa!

Mà... "Mét Văn Quang"! Than ôi! "Mét Văn Quang" ngày nay đã ra người thiên cổ mất rồi! Nhưng đây là đoạn chót của câu chuyện và các bạn sẽ cho phép tôi bắt chước nói như nhà văn hào C. Farrère trong một chuyện ngắn: "Ai lại bắt đầu câu chuyện bằng cái kết cuộc bao giờ?"

"Mét Văn Quang" như tôi đã nói, là người có tài: Tài đoán số, tài coi tướng, coi tử vi, mà đặc biệt hơn hết là tài "lèo mếp, lanh mồm"!

Thì đây, có lần tôi đến viếng "Mét".

"Mét" hỏi:

- Ông sanh năm nào, tháng nào, ngày nào?

Tôi vừa trả lời dứt là Văn Quang hí hoáy viết không đầy một phút, đã nói những cái quá khứ... đến nhiều lúc tôi phải ngạc nhiên tưởng rằng tất những ngày qua rồi vẫn còn ghi trên tròng mắt tôi, mà hôm nay Văn Quang chỉ có đọc lại thôi.

Ấy thế, "Mét Văn Quang" được cả dân Năm Căn hâm mộ đồn đi mấy dặm... rùng: Nhưng Miên, Tân Ân, Hàng Vịnh v.v...

Nhưng đấy, lắm khi có người chỉ vừa nói ngày sanh, là Văn Quang đã mở hết tốc lực chạy... để rồi không đi đến đâu cả.

Và ở vào mấy trường hợp khác, vài ông khách "hâm mộ" phải ngạc nhiên vì cha mẹ họ vẫn sống sờ sờ và Văn Quang buộc rằng đã mồ cô, mồ cút; hoặc vẫn chất phác làm ăn mà "Mét" lại bảo có lần "đánh trộm người hàng xóm" để rồi còn tiên đoán cho họ nhiều "tai vạ" khác nữa.

Khách vừa mở miệng cãi thì "Mét" đã chặn họng bằng câu:

- Tôi đã rao trước rồi kia mà, ông không thấy tấm bảng đề: "Nói không tư vị" hay sao?

Nhưng nếu khách có là một người mồm mép lắm:

- Ấy mà những lời "không tư vị" của ông đều trật bét hết!

Tức thì Văn Quang lộ cả hai mắt tròng chừng như lọt ra khỏi tròng:

- Trật à? Tôi mà đoán trật?

Và khi hỏi kỹ lại... thì Văn Quang xuýt xoa bảo:

- À! tại tôi đoán lộn tuổi khác, xin lỗi ông đấy!...

Nhưng cái lỗi ấy không phải ai cũng tha được như những nơi có "khuôn phép" chốn thị thành.

Thế là "Mét Văn Quang" có lần bị người ta bắt đền tội. Người ấy là một vị đại điền chủ có thể lực, keo kiệt và tàn nhẫn, ở làng kế cạnh.

Một hôm ông đến viếng "Mét Văn Quang" với tất cả cái keo kiệt và tàn nhẫn.

Văn Quang thấy mặt ông, ngang nhiên hỏi:

- Ông mấy tuổi?

- Bốn chục.

Văn Quang không hỏi thêm nữa, có lẽ cái tuổi "bốn chục" nó đủ gợi cảm cho nguồn... hứng rồi, nên đồng dặc bảo:

Ông là người thất tín! Cách đây 13 ngày ông lừa bạn ông để lấy một số bạc ngàn... Vì vậy tôi quả quyết hai ngày tới đây ông sẽ bị nắm chóp...

Ông điền chủ hốt hoảng, mặt bỗng nhiên nổi giận hầm hầm lên. Ông sùi bọt mép, chẳng

nói chẳng rằng, với cái tàn nhẫn bấy lâu, ông vụt nắm lấy "Mét Văn Quang" tặng một "cú đũa rét" như các nhà võ sĩ tặng nhau trên trường diễn võ, rồi ông đấm đá "sặc cà rây".

Văn Quang la vói:

- Tôi đã bảo "không tư vị", "không tư vị" kia mà!

- Ừ thì "không tư vị"... Bốp!... Bốp!...

Chúng tôi đứng ngoài bất nhẫn lắm, nhưng có người nào có dám "nhào" vô cho mang vạ, ai cũng biết - trừ "Mét Văn Quang", lẽ cố nhiên - ông ấy mạnh như thần!

- Vậy mà cũng đoán số! Sao mày không đoán cái số mày.... chết về tay tao, thằng kia?...

Hai hôm sau, "Mét Văn Quang" đoán số mình không sống nổi nữa, nên đã trút linh hồn tại xứ Năm Căn: cái xứ mà "Mét" đã phụ vào một chút công làm trôi mất tiếng quê mùa!